

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2026 - 2030 và dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027
của tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 510/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua Nghị quyết về điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027 của tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 220/BC-BKTNS ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 4 đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau, với tổng kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 125.972,696 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách trung ương: 68.087,765 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn trong nước: 56.968,468 tỷ đồng, gồm:

- Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 7.272,277 tỷ đồng:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030: 1.614,420 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030: 3.056,715 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 600 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 2.001,142 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 49.696,191 tỷ đồng, bố trí cho các ngành, lĩnh vực sau:

+ Giao thông: 36.530,480 tỷ đồng.

+ Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: 2.964,5 tỷ đồng.

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 10.201,211 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục I)

b) Vốn nước ngoài: 11.119,297 tỷ đồng (*vốn ngân sách trung ương cấp phát 10.813,228 tỷ đồng và vốn viện trợ không hoàn lại 306,069 tỷ đồng*), bố trí cho các ngành, lĩnh vực sau:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 2.521,918 tỷ đồng.

- Giao thông: 8.597,379 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục II)

2. Vốn ngân sách địa phương: 57.884,931 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn bội chi ngân sách địa phương (vay lại): 1.384,949 tỷ đồng, bố trí cho các ngành, lĩnh vực sau:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 429,685 tỷ đồng.

- Giao thông: 955,264 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục II)

b) Chi đầu tư từ các nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước (ngân sách tập trung), nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết: 56.499,982 tỷ đồng, bố trí cho các ngành, lĩnh vực sau:

- Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 1.486,504 tỷ đồng.
- Y tế, dân số và gia đình: 1.233,571 tỷ đồng.
- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 2.039,156 tỷ đồng.
- Văn hóa: 898,382 tỷ đồng.
- Khu công nghiệp, khu kinh tế: 164,028 tỷ đồng.
- Thể dục, thể thao: 10,554 tỷ đồng.
- Phát thanh, truyền hình, thông tấn: 14,554 tỷ đồng.
- Hạ tầng đô thị: 1.229,789 tỷ đồng.
- Công nghiệp: 1,659 tỷ đồng.
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 2.857,717 tỷ đồng.
- Giao thông: 24.574,040 tỷ đồng.
- Quản lý nhà nước: 1.639,932 tỷ đồng.
- Quốc phòng, an ninh: 2.655,507 tỷ đồng.
- Xã hội: 316,455 tỷ đồng.
- Quy hoạch: 26 tỷ đồng.
- Các nhiệm vụ chi khác: 17.352,134 tỷ đồng:

+ Thanh toán khối lượng tồn đọng sau quyết toán: 50 tỷ đồng.

+ Phần thưởng bằng hình thức hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình không quá 10 tỷ đồng/xã cho các xã hoàn thành đúng kế hoạch bàn giao mặt bằng thực hiện tuyến đường bộ cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, đường giao thông ra đảo Hòn Khoai và cảng Hòn Khoai trước ngày 15/12/2025 theo Kế hoạch số 0200/KH-UBND ngày 22/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 70 tỷ đồng.

+ Ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh: 1.811 tỷ đồng.

+ Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường: 20 tỷ đồng.

+ Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh: 42,977 tỷ đồng.

+ Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030: 611,343 tỷ đồng.

+ Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030: 1.420,690 tỷ đồng.

+ Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 400 tỷ đồng.

+ Bố trí cho các dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai (*tương đương 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 và Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ*): 575 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (*gồm cả đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh*): 4.549,965 tỷ đồng.

+ Phân cấp xã quản lý: 7.801,159 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục III)

Điều 2. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027 tỉnh Cà Mau là 15.980,045 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách trung ương: 8.623,349 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn trong nước: 8.230 tỷ đồng, gồm:

- Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.520 tỷ đồng:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030: 1.000 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030: 200 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 120 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 200 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 6.710 tỷ đồng:

+ Giao thông: 4.624 tỷ đồng.

+ Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: 430 tỷ đồng.

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 1.656 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục I)

b) Vốn nước ngoài: 393,349 tỷ đồng (*vốn ngân sách trung ương cấp phát 313,270 tỷ đồng và vốn viện trợ không hoàn lại 80,079 tỷ đồng*) thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản.

(Kèm theo Phụ lục II)

2. Vốn ngân sách địa phương: 7.356,696 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn bội chi ngân sách địa phương (vay lại): 134,254 tỷ đồng, thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản.

(Kèm theo Phụ lục II)

b) Chi đầu tư từ các nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước (*ngân sách tập trung*) 1.327,442 tỷ đồng, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 595 tỷ đồng, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 5.300 tỷ đồng, bố trí cho các ngành, lĩnh vực sau:

- Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 240,526 tỷ đồng.
- Y tế, dân số và gia đình: 77,498 tỷ đồng.
- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 408,217 tỷ đồng.
- Văn hóa: 103,861 tỷ đồng.
- Khu công nghiệp, khu kinh tế: 18 tỷ đồng.
- Hạ tầng đô thị: 103,062 tỷ đồng.
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 497,849 tỷ đồng.
- Giao thông: 1.906,126 tỷ đồng.
- Quản lý nhà nước: 57,276 tỷ đồng.
- Quốc phòng, an ninh: 456,173 tỷ đồng.
- Xã hội: 20 tỷ đồng.
- Các nhiệm vụ chi khác: 3.333,854 tỷ đồng:
- + Thanh toán khối lượng tồn đọng sau quyết toán: 10 tỷ đồng.
- + Ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh: 414 tỷ đồng.
- + Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường: 10 tỷ đồng.
- + Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh: 15 tỷ đồng.
- + Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030: 40 tỷ đồng.
- + Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030: 880 tỷ đồng.
- + Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 80 tỷ đồng.
- + Bố trí cho các dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai (*tương đương 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 và Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ*): 44,413 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (gồm cả đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh): 909,993 tỷ đồng.

+ Phân cấp xã quản lý: 930,448 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục III)

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch đầu tư công năm 2027, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, đảm bảo các dự án đủ điều kiện đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Điều 55 Luật Đầu tư công và đủ điều kiện bố trí Kế hoạch đầu tư công năm 2027 theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều



Phụ lục I

PHỤ LỤC I DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
	TỔNG SỐ							62,982,403	58,148,716		62,848,820	58,025,384		2,347,093	1,056,916	9,617,926	8,474,800	60,303,618	56,968,468	1,223,269	811,543	63,570	9,745,269	8,230,000				
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							9,704,310	7,272,277		9,704,310	7,272,277		0	0	0	0	9,704,310	7,272,277	143,267	119,389	0	2,520,000	1,520,000				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030							3,035,110	1,614,420		3,035,110	1,614,420						3,035,110	1,614,420				1,880,000	1,000,000				
2	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030							3,668,058	3,056,715		3,668,058	3,056,715						3,668,058	3,056,715	143,267	119,389		240,000	200,000	Thời điểm Bộ Tài chính chưa thông báo dự kiến mức vốn thực hiện các CTMTQG. Nay bổ sung nhu cầu thực hiện các CTMTQG vào để định hướng thực hiện			
3	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030							1,000,000	600,000		1,000,000	600,000						1,000,000	600,000				200,000	120,000				
4	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030							2,001,142	2,001,142		2,001,142	2,001,142						2,001,142	2,001,142				200,000	200,000			Bao gồm các trạm y tế xã, phường (chưa xác định tỷ lệ đối ứng nên đang đăng ký toàn bộ từ NSTW)	
B	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC							53,278,093	50,876,439		53,144,510	50,753,107		2,347,093	1,056,916	9,617,926	8,474,800	50,599,308	49,696,191	1,080,002	692,154	63,570	7,225,269	6,710,000				
I	GIAO THÔNG							38,897,004	37,056,896		38,886,753	37,056,896		1,661,253	526,416	9,287,926	8,144,800	37,130,938	36,530,480	547,343	462,154	63,570	5,139,269	4,624,000				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							3,777,520	1,939,000		3,767,269	1,939,000		1,659,665	526,416	687,646	0	2,013,042	1,412,584	483,773	398,584	0	1,529,269	1,014,000				
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai ngoài - thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	7944118	B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch, Phường Hiệp Thành	8,9km	2024 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	1,450,656	725,000	2269/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,440,405	725,000	2,025	594,873	410,808	315,656		775,597	314,192	314,192	314,192		461,405		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
2	Cầu Hòa Bình 2 + Tuyến đường nối đến đường Giồng Nhân - Gò Cát	7940684	B	Các Xã: Vĩnh Hậu, Hòa Bình	01 cầu + 10km	2021 - 2027	521/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 199/QĐ-UBND ngày 24/7/2024; 261/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	298,864	200,000	1517/QĐ-UBND ngày 23/8/2024; 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	298,864	200,000	2,025	115,981	115,608			158,256	84,392	104,392	84,392		53,864		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án <i>(ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)</i>	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư						
3	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện tuyến đường bộ cao tốc Cà Mau - Đất Mũi	8160159	A	Các xã: Hồ Thị Kỳ, Khánh An, Khánh Bình, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ, Cái Nước, Phú Mỹ, Nguyễn Việt Khái, Đất Mới, Đất Mũi.	713,09 ha	2025 - 2028	1137/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	2,028,000	1,014,000	096/QĐ-UBND ngày 07/7/2025	2,028,000	1,014,000	2,025	948,811		371,990		1,079,189	1,014,000	65,189			1,014,000	1,014,000	Theo tiến độ hỗ trợ vốn NSTW	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							35,119,484	35,117,896		35,119,484	35,117,896		1,588	0	8,600,280	8,144,800	35,117,896	35,117,896	63,570	63,570	63,570	3,610,000	3,610,000			
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quận lộ Phụng Hiệp - Vành đai 3 - ĐT.985B - Đường ven biển (cửa Sông Đốc)	8163723	B	Phường Tân Thành, phường An Xuyên, xã Hồ Thị Kỳ, xã Khánh An, xã Khánh Bình, xã Trần Văn Thới, xã Khánh Hưng và xã Sông Đốc	50,01km và 20 cầu	2026 - 2029	01517/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	2,997,000	2,996,591		2,997,000	2,996,591		409		2,913,000	2,800,000	2,996,591	2,996,591	19,300	19,300	19,300	940,000	940,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh	7907306	B	Phường An Xuyên và các xã: Hồ Thị Kỳ, Khánh An, Khánh Lâm, Nguyễn Phích	42,301km và 05 cầu	2026 - 2029	01514/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	1,867,989	1,867,730		1,867,989	1,867,730		259		1,867,989	1,674,700	1,867,730	1,867,730	12,000	12,000	12,000	650,000	650,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
3	Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63B (đoạn từ Giá Rai đến Phò Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B)	8187779	B	Các xã, phường: Giá Rai, Phong Hiệp, Vĩnh Phước và Phong Thạnh	22,2km	2026 - 2029	1331/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	2,211,962	2,211,962		2,211,962	2,211,962				1,859,550	1,800,000	2,211,962	2,211,962	15,670	15,670	15,670	580,000	580,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ cầu Hòa Bình 2 - Đê Biển	8176720	B	Các xã Hòa Bình và Vĩnh Hậu	11,3km và 10 cầu	2026 - 2029	206/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	826,792	826,629		826,792	826,629		163		990,000	940,100	826,629	826,629	5,900	5,900	5,900	210,000	210,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
5	Dự án xây dựng cầu Bạc Liêu 5, phường Bạc Liêu	8162758	B	Phường Bạc Liêu	3.000m	2026 - 2029	0241/QĐ-UBND ngày 22/7/2025	969,741	968,984		969,741	968,984		757		969,741	930,000	968,984	968,984	1,000	1,000	1,000	260,000	260,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án <i>(ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)</i>	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư							
6	Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Cà Mau (đoạn Rạch Gốc - Cái Đôi Vàm và đoạn Sông Đốc - Tiểu Dừa)		A	Các xã: Đất Mũi, Cái Đôi Vàm, Sông Đốc, Khánh Hưng, Đá Bạc, Khánh Lâm, U Minh	79,2km	2026 - 2030		8,545,000	8,545,000		8,545,000	8,545,000					8,545,000	8,545,000	4,700	4,700	4,700	570,000	570,000	Theo Công điện số 131/CD-TTg ngày 11/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư khép kín đường ven biển	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
7	Dự án đầu tư xây dựng tuyến kết nối trung tâm hành chính của hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu trước đây		A	Các xã, phường: Tân Thành, Phong Thạnh, Giã Rai, Lăng Tròn, Vĩnh Mỹ, Hòa Bình, Vĩnh Lợi và Bạc Liêu	67,5km	2026 - 2030		17,701,000	17,701,000		17,701,000	17,701,000					17,701,000	17,701,000	5,000	5,000	5,000	400,000	400,000	Theo Thông báo số 8/TB-VPCCP ngày 06/01/2026 của VPCCP về Kết luận của TTCP Phạm Minh Chính tại buổi họp về tình hình triển khai một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang và Cà Mau	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
II	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN ĐỔI SỞ							2,965,000	2,965,000		2,965,000	2,965,000		500	500	0	0	2,964,500	2,964,500	0	0	0	430,000	430,000				
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							2,965,000	2,965,000		2,965,000	2,965,000		500	500	0	0	2,964,500	2,964,500	0	0	0	430,000	430,000				
1	Dự án xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh Cà Mau		B		Mua sắm, lắp đặt thiết bị	2026 - 2029		120,000	120,000		120,000	120,000		500	500			119,500	119,500				30,000	30,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Công an tỉnh		
2	Dự án xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Cà Mau theo chuẩn Tier 3		B		Lưu trữ 3.000 TB dữ liệu	2027 - 2030		1,729,000	1,729,000		1,729,000	1,729,000						1,729,000	1,729,000				200,000	200,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh			
3	Dự án xây dựng Hệ sinh khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau		B		Mua sắm, lắp đặt thiết bị	2027 - 2030		516,000	516,000		516,000	516,000						516,000	516,000				100,000	100,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh			
4	Dự án Chương trình: Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng, chế biến và quản lý tài nguyên biển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030		B			2027 - 2030		600,000	600,000		600,000	600,000						600,000	600,000				100,000	100,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh			
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN							11,416,089	10,854,543		11,292,757	10,731,211		685,340	530,000	330,000	330,000	10,503,870	10,201,211	532,659	230,000	0	1,656,000	1,656,000				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							1,044,771	760,000		1,044,771	760,000		680,740	530,000	330,000	330,000	260,484	230,000	260,484	230,000	0	0	0				
1	Dự án đầu tư kê bờ sông thành phố Bạc Liêu		B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch	6km	2023 - 2026	539/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; 0756/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	1,044,771	760,000	2258/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; 0947/QĐ-UBND ngày 08/9/2025	1,044,771	760,000	2,023	680,740	530,000	330,000	330,000	260,484	230,000	260,484	230,000				Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							10,371,318	10,094,543		10,247,986	9,971,211		4,600	0	0	0	10,243,386	9,971,211	272,175	0	0	1,656,000	1,656,000				
1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông đoạn từ Kiến Vàng đến Ông Tà		B			2026 - 2029	1645/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	377,600	377,600	1638/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	377,600	377,600						377,600	377,600				52,000	52,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
2	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông đoạn từ Kênh 5 Ô Rô đến Vàm Xoáy		B			2026 - 2029	1645/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	632,264	632,264	1639/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	632,264	632,264						632,264	632,264				60,000	60,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án <i>(ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)</i>	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSTW
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW									Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư					
3	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông đoạn từ Hồ Gùi đến Bò Đề		B			2026 - 2029	1645/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	452,602	452,602	1637/QĐ-UBND ngày 17/9/2023	452,602	452,602					452,602	452,602			62,000	62,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
4	Dự án đầu tư xây dựng 07 công ngăn mặn, chống triều cường bảo vệ sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	8158327	B	Phường Láng Tròn và các xã Vĩnh Mỹ, Hòa Bình, Hưng Hội	07 công	2026 - 2028	109/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	387,848	315,748	02141/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	277,389	205,289		2,100			275,289	205,289	70,000		140,000	140,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
5	Dự án kè bờ sông thị trấn Gành Hào đoạn G6 (điểm đầu tại Rạch Cóc và điểm cuối tại ngã ba sông thị trấn Gành Hào)	8160491	B	Xã Gành Hào	2.500m	2025 - 2029	282/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	480,000	339,000	02326/QĐ-UBND ngày 28/12/2025	480,000	339,000		1,000			479,000	339,000	140,000		150,000	150,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
6	Dự án xói lở bờ biển thành phố Bạc Liêu (đoạn còn lại giữa bờ biển Vĩnh Trạch Đông và bờ biển Nhà Mát)	8160483	B	Phường Hiệp Thành	4.685,4 m	2026 - 2029	283/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	198,000	136,500	02190/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	185,127	123,627		1,500			183,627	123,627	60,000		120,000	120,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
7	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào		B	Xã Gành Hào	15,0ha	2026 - 2029	440/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	201,435	199,824		201,435	199,824					201,435	199,824	1,611		100,000	100,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
8	Dự án đầu tư xây dựng kè khu vực sạt lở ven biển xã Tân Ân (từ cửa Sông Bò Đề đến cửa Rạch Láng Chảo)		B	Xã Tân Ân		2027 - 2030		554,000	554,000		554,000	554,000					554,000	554,000			78,000	78,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
9	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông đoạn từ Ô Rô hướng về Gành Hào		B	Xã Tân Ân, Đất Mũi, Phan Ngọc Hiến, Tân Tiến, Tân Thuận		2027 - 2030		1,823,000	1,823,000		1,823,000	1,823,000					1,823,000	1,823,000			256,000	256,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
10	Dự án đầu tư xây dựng kè ven sông kết hợp chỉnh trang đô thị tuyến kênh Quán lộ Phụng Hiệp (đoạn từ cầu Phan Ngọc Hiến đến cầu Cái Nhúc)		A	Các phường Tân Thành, Hòa Thành, Lý Văn Lâm, An Xuyên	7,9km	2027 - 2030		1,490,569	1,490,005		1,490,569	1,490,005					1,490,569	1,490,005	564		232,000	232,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
11	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè Kênh Rạch Rập		B	Phường Lý Văn Lâm		2027 - 2030		388,000	388,000		388,000	388,000					388,000	388,000			46,000	46,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
12	Dự án đầu tư xây dựng kè khép kín các đoạn sạt lở còn lại của bờ biển Đông từ Tân Thuận hướng về Hồ Gùi		B	Xã Tân Thuận, Tân Tiến		2027 - 2030		1,125,000	1,125,000		1,125,000	1,125,000					1,125,000	1,125,000			78,000	78,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
13	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở để biển Tây đoạn từ Kênh Tư đến Sông Đốc và đoạn từ Cái Cầm đến Cái Đôi Vàm		B	Xã Sông Đốc, Khánh Hưng, Cái Đôi Vàm		2027 - 2030		340,000	340,000		340,000	340,000					340,000	340,000			79,000	79,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
14	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở để biển Tây đoạn từ Cái Đôi Vàm đến Sào Lưới và đoạn từ Gò Công đến Rạch Chèo		B	Xã Cái Đôi Vàm		2027 - 2030		431,000	431,000		431,000	431,000					431,000	431,000			100,000	100,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án <i>(ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)</i>	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSTW		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW						Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư
15	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đê sông và công trình đê phòng chống triều cường cho xã Định Thành, An Trạch		B	Xã Định Thành, An Trạch		2027 - 2030		1,490,000	1,490,000		1,490,000	1,490,000					1,490,000	1,490,000				103,000	103,000	Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				



Phụ lục II

ĐỀ CHỈNH ĐỒ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI (BAO GỒM VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VAY LẠI)

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú							
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSDP						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP													Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	26	27	28	29	30	31	32	33							
	TỔNG SỐ							109,377,853	75,601,255		106,927,610	73,251,055		13,571,133	5,415,852	40,035,404	20,067,890	89,149,071	56,499,982	7,548,707	6,631,520	91,193	13,681,045	7,222,442	1,327,442	595,000	5,300,000										
1	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP							1,776,542	1,776,542		1,771,967	1,771,967		197,267	197,267	95,621	95,621	1,486,504	1,486,504	309,880	309,880	5,403	240,526	240,526	0	0	240,526										
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							418,984	418,984		418,705	418,705		190,945	190,945	0	0	198,327	198,327	142,777	142,777	0	55,550	55,550	0	0	55,550										
1	Dự án xây dựng trường THCS Võ Thị Sáu	8E+06	C	Xã Gành Hào	26 phòng học, phòng bộ	2021 - 2026	587/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 190/QĐ-UBND ngày 24/5/2023; 208/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	44,537	44,537	1677/QĐ-UBND ngày 08/9/2023; 1452/QĐ-UBND ngày 14/8/2024; 01994/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	44,472	44,472	2024	10,320	10,320			31,680	31,680	31,680	31,680							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Long Điền								
2	Trường THCS Phan Ngọc Hiến (giai đoạn 1), thị trấn Cái Đôi Vàm	8E+06	C	Xã Cái Đôi Vàm	Công trình dân dụng	2023 - 2026	2335b/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	27,782	27,782	2549/QĐ-UBND ngày 06/10/2022; 5123/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 01993/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	27,782	27,782	2024	11,594	11,594			16,188	16,188	16,188	16,188							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Cái Đôi Vàm								
3	Dự án xây dựng Trường Tiểu học Phường Ngọc Liếm	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	15 phòng học	2022 - 2026	233/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	33,162	33,162	1770/QĐ-UBND ngày 21/9/2023; 01874/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	33,005	33,005	2024	17,093	17,093			10,609	10,609	10,609	10,609							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu								
4	Trường mẫu giáo Phong Phú, phường Lăng tròn (giai đoạn 1)	8E+06	C	Phường Lăng Tròn	Khối 9 phòng học	2024 - 2026	2453/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	14,968	14,968	3204/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	14,939	14,939	2024	12,147	12,147			261	261	261	261							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Giá Rai								
5	Trường tiểu học Giá Rai B, khóm 1, phường 1 (giai đoạn 1)	8E+06	C	Phường Giá Rai	01 trệt 02 lầu	2024 - 2026	2452/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	14,950	14,950	3205/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	14,927	14,927	2024	7,915	7,915			2,000	2,000	2,000	2,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Giá Rai								
6	Xây dựng Trường tiểu học Phong Phú A (dời về điểm mới)	8E+06	B	Phường Lăng Tròn	XD 03 khối nhà, 01 nhà đa năng	2023 - 2026	3099/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	66,700	66,700	4122/QĐ-UBND ngày 23/10/2023; 02014/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	66,696	66,696	2023	45,133	45,133			19,689	19,689	19,689	19,689							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Giá Rai								
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	8E+06	C	Xã Đất Mới	Công trình dân dụng	2023 - 2026	194/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	14,936	14,936	277/QĐ-UBND ngày 18/10/2022; 1287/QĐ-SXD ngày 25/12/2025	14,935	14,935	2024	9,167	9,167			5,000	5,000	5,000	5,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Năm Căn								

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú					
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Trong đó: vốn NSDP				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
9	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Định Thành	8E+06	C	Xã Định Thành	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	01872/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	58,034	58,034	228/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	57,800	57,800	2026	500	500			52,000	52,000	15,000	15,000		10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
10	Dự án Trường Tiểu học 1 xã Phan Ngọc Hiển	8E+06	C	Ấp Kiến Vàng	Xây dựng mới	2025 - 2027	2617/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	34,392	34,392	2711/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	34,392	34,392	2026					34,000	34,000	10,000	10,000		10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Phan Ngọc Hiển						
11	Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Cà Mau (nay là Trường Giáo dục chuyên biệt tỉnh Cà Mau)	8E+06	C	Phường Tân Thành	Cải tạo, xây dựng mới, mua sắm thiết bị dạy và học	2025 - 2027	211/QĐ-UBND ngày 21/01/2026	47,258	47,258	2062/QĐ-UBND ngày 04/6/2026	46,869	46,869	2026					46,869	46,869	8,210	8,210	710	10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
12	Dự án đầu tư xây dựng các Trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	8E+06	B	Các xã, phường: Phan Ngọc Hiển; Đất Mũi; Sông Đốc; Thới Bình; Trí Phái; Dăm Dơi; Lương Thế Trân; Năm Căn, An Xuyên	Xây dựng 10 THPT	2026 - 2027	162/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	349,118	349,118		349,118	349,118						349,118	349,118	3,240	3,240	3,240	20,000	20,000			20,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
13	Trường Tiểu học Hòa Thành 2		C	Phường Hòa Thành	Xây dựng mới, cải tạo	2026 - 2027	397/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	22,874	22,874	647/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	22,874	22,874	2026					22,874	22,874	7,000	7,000		10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách phường Hòa Thành (phương quyết định đầu tư, quản lý chi)						
14	Dự án đầu tư xây dựng nhà đa năng, phòng học tại các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau		B	Các xã Cái Nước, xã Khánh An, xã Khánh Lâm, xã Lương Thế Trân, xã Dăm Dơi, xã U Minh, xã Sông Đốc	Xây dựng nhà đa năng và phòng học tại 07 Trường THPT	2025 - 2027	712/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	109,803	109,803		109,803	109,803						109,803	109,803	800	800	800	10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
15	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị tại Trường Chính trị tỉnh Cà Mau đạt chuẩn mức 1		C	Phường Bạc Liêu	Cải tạo, sửa chữa	2026 - 2028	1054/QĐ-UBND ngày 02/4/2026	16,625	16,625		16,625	16,625						16,625	16,625	653	653	653	5,000	5,000			5,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
16	Dự án mua sắm bổ sung trang thiết bị và cải tạo hạng mục sùt lùn tại Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu		C	Phường Bạc Liêu	Mua sắm thiết bị và cải tạo, sửa chữa	2026 - 2028	1039/QĐ-UBND ngày 01/4/2026	4,976	4,976		4,976	4,976						4,976	4,976				4,976	4,976			4,976	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu						
17	Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học đến năm 2025 thuộc Đề án Mua sắm trang thiết bị đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025		C	Tỉnh Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2026 - 2027	1912/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	77,372	77,372		77,372	77,372						77,372	77,372				20,000	20,000			20,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Sở Giáo dục và Đào tạo						
18	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Trần Văn Bảy							72,413	72,413		72,413	72,413						72,413	72,413				5,000	5,000			5,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh							

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ trị và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ trị		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú				
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
19	Dự án phòng máy tính, phần mềm dạy học và thi trực tuyến							118,927	118,927		118,927	118,927						118,927	118,927				10,000	10,000			10,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo				
II Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH								4,469,472	2,027,494		4,446,767	2,004,789		2,916,154	574,976	1,066,873	1,066,873	1,233,571	1,233,571	938,382	938,382	2,362	72,498	77,498	0	0	77,498						
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							4,250,058	1,808,080		4,227,353	1,785,375		2,915,961	574,783	1,037,162	1,037,162	1,015,413	1,015,413	907,294	907,294	274	35,123	35,123	0	0	35,123						
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	8E+06	A	P. Hòa Thành	1.200 giường	2020 - 2026	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	3,322,575	975,262	2759/QĐ-UBND ngày 16/11/2022; 01849/QĐ-UBND ngày 24/11/2025	3,301,653	954,340	2023	2,327,342	80,829	862,857	862,857	795,658	795,658	795,658	795,658							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau				
2	Dự án xây dựng, mở rộng khu điều trị nội trú cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu (giai đoạn 3)	8E+06	B	Phường Bạc Liêu	350 giường	2021 - 2026	113/QĐ-UBND ngày 09/02/2022	279,180	279,180	2302/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; 01826/QĐ-UBND ngày 23/11/2025	279,180	279,180	2023	199,071	199,071			16,000	16,000	16,000	16,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau				
3	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế triển khai kỹ thuật cao thuộc Đơn vị Tim mạch can thiệp của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	8E+06	C	P. Bạc Liêu	Mua sắm trang thiết bị	2025 - 2027	26/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	52,309	52,309	01221/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	50,526	50,526	2025	466	466	51,309	51,309	48,062	48,062	48,062	48,062							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu				
4	Dự án đầu tư hạ tầng chung các công trình lĩnh vực Y tế	8E+06	B	P. Hòa Thành	3,52km	2021 - 2026	2379/QĐ-UBND ngày 09/12/2020; 2814/QĐ-UBND ngày 24/11/2022; 1765/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; 692/QĐ-UBND ngày 14/3/2026	346,833	346,833	2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 2915/QĐ-UBND ngày 09/12/2022; 2150/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; 2158/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	346,833	346,833	2022	273,314	273,314			22,300	22,300	22,300	22,300							Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư điều chỉnh của dự án	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
5	Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau	8E+06	B			2019 - 2027	1467/QĐ-TTg ngày 02/11/2018; 758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019; 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019; 3496/QĐ-BYT ngày 11/11/2025	113,565	18,900	2036/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	113,565	18,900	2023	103,168	8,503			10,397	10,397	274	274	274	10,123	10,123			10,123	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư điều chỉnh của dự án	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau				
6	Dự án nâng cấp Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Cà Mau	7E+06	B	Phường Tân Thành	120 giường bệnh	2021 - 2028	2764/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; 876/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	135,596	135,596	2224/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; 1992/QĐ-UBND ngày 30/5/2026	135,596	135,596	2023	12,600	12,600	122,996	122,996	122,996	122,996	25,000	25,000		25,000	25,000			25,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư điều chỉnh của dự án	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cà Mau				
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							219,414	219,414		219,414	219,414		193	193	29,711	29,711	218,158	218,158	31,088	31,088	2,088	37,375	42,375	0	0	42,375						
1	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác Khám, chữa bệnh cho Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	Mua sắm trang thiết bị y tế	2025 - 2026	13/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	30,256	30,256	01400/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	30,256	30,256	2026	193	193	29,711	29,711	29,000	29,000	29,000	29,000								Theo nhu cầu thực hiện	Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu			
2	Dự án mua sắm thiết bị y tế cấp thiết cho ngành Y tế tỉnh Cà Mau năm 2026		B	21 cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	Mua sắm thiết bị y tế	2026	656/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	165,221	165,221		165,221	165,221						165,221	165,221	1,157	1,157	1,157	20,000	25,000			25,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027						Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bảo gồm vốn chuẩn bị đầu tư												Tổng số	Bảo gồm							
																									Chỉ đầu tư XDCB tập trung trong nước		Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất				Chỉ đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	
3	Dự án mua 03 thang máy mới cho khối nhà A (khối kỹ thuật nghiệp vụ) và khối nhà C (khối nhà Sân - Nhì) của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	Cải tạo, đầu tư mua sắm, lắp đặt 03 thang máy	2026 - 2027	358/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	12,892	12,892		12,892	12,892					12,892	12,892	517	517	517	12,375	12,375			12,375	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu				
4	Dự án Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và xe tải chở rác thải y tế cho Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	01 hệ thống xử lý chất thải rắn, 02 xe chở rác thải y tế	2026 - 2028	570/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	11,045	11,045		11,045	11,045					11,045	11,045	414	414	414	5,000	5,000			5,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu				
III	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ							2,042,021	2,042,021		2,041,626	2,041,626		1,294	1,294	29,910	29,910	2,039,156	2,039,156	408,217	408,217	2,094	408,217	408,217	0	0	408,217					
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							5,124	5,124		5,124	5,124		1,079	1,079	5,124	5,124	4,045	4,045	4,045	4,045	0	0	0	0	0	0					
1	Dự án thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý của Sở Tư pháp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	8E+06	C	P. Tân Thành	Số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ	2025 - 2026	289/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	5,124	5,124	1481/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; 01456/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	5,124	5,124	2025	1,079	1,079	5,124	5,124	4,045	4,045	4,045	4,045							Theo nhu cầu thực hiện	Sở Tư pháp			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							2,036,897	2,036,897		2,036,502	2,036,502		215	215	24,786	24,786	2,035,111	2,035,111	404,172	404,172	2,094	408,217	408,217	0	0	408,217					
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 3	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	5.795.684 trang	2025 - 2026	160/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	24,786	24,786	01714/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	24,391	24,391	2026	215	215	24,786	24,786	23,000	23,000	23,000	23,000							Theo nhu cầu thực hiện	Sở Nội vụ			
2	Dự án đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2025 - 2028		B	Các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Nâng cấp hạ tầng, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	232/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	216,864	216,864		216,864	216,864						216,864	216,864	784	784	784	10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Văn phòng Tỉnh ủy			
3	Dự án chỉnh lý, số hóa tài liệu tại Kho Lưu trữ của Tỉnh ủy		C	Phường Bạc Liêu	Chỉnh lý, số hóa tài liệu	2026 - 2028	238/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	49,624	49,624		49,624	49,624						49,624	49,624	260	260	260	10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Văn phòng Tỉnh ủy			
4	Dự án Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin cấp xã		B	64 xã, phường	Bổ sung, thay thế thiết bị người dùng; nâng cấp hạ tầng mạng	2026 - 2027	513/QĐ-UBND ngày 24/02/2026	106,225	106,225		106,225	106,225						106,225	106,225	274	274	274	20,000	20,000			20,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ			
5	Dự án đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh Cà Mau		C	Tỉnh Cà Mau	Mua sắm các loại trang thiết bị	2026	434/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	9,768	9,768		9,768	9,768						9,768	9,768	201	201	201	9,567	9,567			9,567	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Công an tỉnh			
6	Dự án Số hóa hồ sơ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau		C	Tỉnh Cà Mau	Số hóa và ứng dụng phần mềm phân tích	2026 - 2027	1355/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	74,000	74,000		74,000	74,000						74,000	74,000	575	575	575	15,000	15,000			15,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường			
7	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026		C	Phường Tân Thành	Số hóa tài liệu lưu trữ	2026 - 2027	2195/QĐ-UBND ngày 16/6/2026	20,449	20,449		20,449	20,449						20,449	20,449				10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Sở Nội vụ			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027						Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Bảo gồm vốn chuẩn bị đầu tư				Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
8	Chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa phân bổ chi tiết							1,535,181	1,535,181		1,535,181	1,535,181					1,535,181	1,535,181	379,078	379,078		333,650	333,650			333,650	Theo dự kiến phân bổ hằng năm tương đương mức yêu cầu giao của năm 2026								
IV	VĂN HÓA							909,762	909,762		909,750	909,750		9,821	9,821	410,810	410,810	898,382	898,382	45,762	45,762	4,889	103,861	103,861	0	0	103,861								
(I)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							16,867	16,867		16,867	16,867		9,714	9,714	0	0	5,873	5,873	5,873	5,873	0	0	0	0	0	0	0							
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng trong Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Hưng Tây	8E+06	C	Xã Nguyễn Việt Khái	Xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị	2024 - 2026	1581/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	10,099	10,099	4267/QĐ-UBND ngày 07/11/2023; 1297/QĐ-SXD ngày 29/12/2025	10,099	10,099	2024	7,814	7,814			1,373	1,373	1,373	1,373								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Cái Đôi Vàm					
2	Dự án Tu bổ, chống xuống cấp di tích lịch sử cấp Quốc gia Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Châu Thới	8E+06	C	Xã Châu Thới	Tu bổ, chống xuống cấp	2024 - 2026	189/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	6,768	6,768	124/QĐ-STC ngày 02/6/2025; 1285/QĐ-SXD ngày 25/12/2025	6,768	6,768	2025	1,900	1,900			4,500	4,500	4,500	4,500								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch					
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							892,895	892,895		892,883	892,883		107	107	410,810	410,810	892,509	892,509	39,889	39,889	4,889	103,861	103,861	0	0	103,861								
1	Dự án sửa chữa, cải tạo khu di tích lịch sử cấp tỉnh - Bia tưởng niệm chiến thắng Lộc Ninh, huyện Hồng Dân	8E+06	C	Xã Hồng Dân	Sửa chữa, cải tạo	2024 - 2026	335/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	4,827	4,827	136/QĐ-STC ngày 16/6/2025	4,827	4,827	2026					4,800	4,800	4,800	4,800								Theo nhu cầu thực hiện	UBND xã Hồng Dân					
2	Dự án chuyển đổi chất liệu tranh phù điêu trên Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ và cải tạo, xây dựng các hạng mục phụ trợ tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bạc Liêu		C	Xã Hòa Bình	Chuyển đổi chất liệu	2025 - 2026	135/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	5,641	5,641	392/QĐ-SXD ngày 15/4/2026	5,629	5,629	2026					5,389	5,389	5,389	5,389	389							Theo nhu cầu thực hiện	Sở Nội vụ					
3	Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình Bảo tàng - Thư viện tỉnh Cà Mau	8E+06	B	Phường An Xuyên	10.079m2	2025 - 2028	318/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	410,810	410,810		410,810	410,810				410,810	410,810	410,810	410,810				10,000	10,000			10,000		Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
4	Dự án xây dựng sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Cà Mau, phường An Xuyên	8E+06	C	Phường An Xuyên	Sửa chữa, nâng cấp	2025 - 2027	02085/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	29,006	29,006	1271/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	29,006	29,006	2026	37	37			28,969	28,969	10,249	10,249	249	10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
5	Dự án Trưng tu, nâng cấp Đền thờ 10 Anh hùng liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	8E+06	C	Phường An Xuyên	Trưng tu, nâng cấp	2025 - 2027	01998/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	6,111	6,111	1431/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	6,111	6,111	2026	9	9			6,102	6,102	3,457	3,457	257	2,645	2,645			2,645	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
6	Dự án Trưng tu, nâng cấp Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	8E+06	C	Phường An Xuyên	Trưng tu, nâng cấp	2025 - 2027	02188/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	44,575	44,575	1299/QĐ-UBND ngày 13/4/2026	44,575	44,575	2026	61	61			44,514	44,514	12,554	12,554	554	15,000	15,000			15,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						
7	Dự án xây dựng sửa chữa, cải tạo, chống thấm dột và chống bầm bấn mái công trình các khối nhà A, B, C thuộc Trung tâm triển lãm văn hóa - nghệ thuật và Nhà hát Cao Văn Lầu	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	Cải tạo, sửa chữa	2026 - 2027	690/QĐ-UBND ngày 13/3/2026	16,264	16,264		16,264	16,264						16,264	16,264	1,000	1,000	1,000	5,000	5,000			5,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau						

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú							
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Trong đó: vốn NSDP						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Bao gồm		
																																			Chỉ đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
8	Dự án đầu tư xây dựng Đền tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ và người có công tỉnh Cà Mau và hệ thống hạ tầng kỹ thuật (nguồn vốn đầu tư công)	8E+06	B	Phường An Xuyên	9,0 ha	2026 - 2028	1842/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	340,134	340,134		340,134	340,134					340,134	340,134	1,840	1,840	1,840	50,000	50,000			50,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau									
9	Dự án xây dựng công viên ba hạt lúa tại xã Vĩnh Lợi - Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của công viên			Xã Vĩnh Lợi				19,910	19,910		19,910	19,910					19,910	19,910	600	600	600	5,000	5,000			5,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau									
10	Dự án tu bổ, chống xuống cấp di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt Căn cứ Cái Chanh, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu		C	Xã Ninh Thạnh Lợi		2025 - 2026	248/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	1,216	1,216		1,216	1,216					1,216	1,216				1,216	1,216			1,216	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch									
11	Dự án đầu tư tu sửa cấp thiết di tích Quốc gia đặc biệt Khảo cổ Vĩnh Hưng, xã Châu Thới		C	Xã Châu Thới	Tu sửa	2026 - 2028	1474/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	14,401	14,401		14,401	14,401					14,401	14,401				5,000	5,000			5,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch									
V	KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ							195,799	195,799		192,828	192,828		22,000	22,000			164,028	164,028	100,389	100,389	1,478	18,000	18,000	0	0	18,000										
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							65,665	65,665		65,157	65,157		22,000	22,000			40,000	40,000	40,000	40,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0							
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường N5 (giai đoạn 1) Khu công nghiệp Khánh An	8E+06	C	Xã Khánh An	1.200m	2025 - 2027	1250/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	65,665	65,665	470/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	65,157	65,157	2025	22,000	22,000			40,000	40,000	40,000	40,000								Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế							
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							130,134	130,134		127,671	127,671		0	0			124,028	124,028	60,389	60,389	1,478	18,000	18,000	0	0	18,000										
1	Dự án đầu tư Nâng cấp đường giao thông trục chính D6 Khu công nghiệp Khánh An (giai đoạn 2)	8E+06	C	Xã Khánh An	1.694,24m	2025 - 2027	01631/QĐ-UBND ngày 06/11/2025	68,726	68,726	02420/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	66,263	66,263	2026					62,620	62,620	59,620	59,620	709	3,000	3,000			3,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế								
2	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn nối đường tránh Quốc lộ 1 vào Khu công nghiệp Hòa Trung	8E+06	C	Xã Lương Thế Trân	Phần đường 570m, phần Bến thủy nội địa kết hợp bãi đậu xe 200m	2026 - 2027	02445/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	61,408	61,408		61,408	61,408						61,408	61,408	769	769	769	15,000	15,000			15,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế								
VI	THỂ DỤC, THỂ THAO							37,708	37,708		36,852	36,852		24,682	24,682			10,554	10,554	10,554	10,554	0	0	0	0	0	0	0	0	0							
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							37,708	37,708		36,852	36,852		24,682	24,682			10,554	10,554	10,554	10,554	0	0	0	0	0	0	0	0	0							
1	Xây dựng Khu thể dục - thể thao huyện Vĩnh Lợi	8E+06	C	Xã Vĩnh Lợi	10.816,6m ²	2024 - 2026	223/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	37,708	37,708	313/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	36,852	36,852	2024	24,682	24,682			10,554	10,554	10,554	10,554								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Vĩnh Lợi							
VII	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN							37,568	37,568		37,554	37,554		22,100	22,100	27,554	27,554	14,554	14,554	14,554	14,554	0	0	0	0	0	0	0	0	0							
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							37,568	37,568		37,554	37,554		22,100	22,100	27,554	27,554	14,554	14,554	14,554	14,554	0	0	0	0	0	0	0	0	0							
1	Dự án đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, truyền dẫn phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau	8E+06	C	Phường An Xuyên	Mua sắm và lắp đặt thiết bị	2025 - 2027	2302/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	18,000	18,000	2405/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	18,000	18,000	2025	17,100	17,100	13,000	13,000												Theo tiến độ giải ngân vốn năm 2025								

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh	Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú							
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Trong đó: vốn NSDP						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
2	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục cấp thiết của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau và các cơ sở do Đài quản lý	8E+06	C	P. An Xuyên	Công trình dân dụng	2025 - 2027	1455/QĐ-UBND ngày 22/7/2024	19,568	19,568	2329/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	19,554	19,554	2025	5,000	5,000	14,554	14,554	14,554	14,554	14,554	14,554							Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau								
VIII	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ							2,115,109	2,115,109		2,096,647	2,096,647		609,970	609,970	241,431	241,431	1,229,789	1,229,789	107,901	107,901	135	103,062	103,062	0	103,062	0									
(I)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							1,025,807	1,025,807		1,007,614	1,007,614		609,970	609,970	241,431	241,431	141,664	141,664	100,602	100,602	0	41,062	41,062	0	41,062	0									
1	Dự án đầu tư xây dựng Quảng trường Phan Ngọc Hiển	8E+06	B	Phường An Xuyên	8,905 ha	2023 - 2026	2118/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2453/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	278,262	278,262	334/QĐ-UBND ngày 28/02/2024; 217/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	278,262	278,262	2024	209,000	209,000	128,262	128,262										Theo tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau								
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	8E+06	B	Xã Sông Đốc	365 hộ	2022 - 2026	974/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	61,731	61,731	2659/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 01972/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	61,566	61,566	2023	33,000	33,000	25,566	25,566	28,000	28,000	28,000	28,000						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau								
3	Dự án đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía Đông đường Bạch Đằng, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn I)	8E+06	B	Phường Hiệp Thành	176 nền	2025 - 2026	41/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	63,862	63,862	92/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	61,059	61,059	2025	1,148	1,148	51,105	51,105	10,000	10,000	10,000	10,000						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu								
4	Dự án nâng cấp, cải tạo, lát đá granite vỉa hè đường Bạch Đằng, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Hiệp Thành	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2025 - 2026	44/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	18,438	18,438	89/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	16,014	16,014	2025	10,000	10,000			1,319	1,319	1,319	1,319						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu								
5	Dự án nâng cấp, cải tạo, lát đá Granite vỉa hè đường 23/8 phường 8, thành phố Bạc Liêu (đoạn từ công Khu công nghiệp Trà Kha đến vòng xoay Cầu Sập)	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	1.200m	2025 - 2026	39/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	17,000	17,000	84/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	13,366	13,366	2025	7,647	7,647			2,166	2,166	2,166	2,166						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu								
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau	8E+06	B	Phường An Xuyên	15,329ha	2017 - 2026		236,514	236,514	1416/QĐ-UBND ngày 18/8/2017; 1363/QĐ-UBND ngày 14/8/2019; 1452/QĐ-UBND ngày 22/7/2024; 02441/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	236,514	236,514	2024	173,666	173,666			5,000	5,000	5,000	5,000						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau								
7	Nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn Khóm 5, Phường 2 (Bao gồm: Hẻm mô tô Lành, Khóm 5; Hẻm Công Xi (các tuyến mới bỏ trong hẻm), Khóm 5; Hẻm cấp nhà ông La Kim Xía, Khóm 5; Hẻm cấp nhà ông Tăng Văn Qui, Khóm 5)	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	486,46m	2025 - 2026	21/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	1,587	1,587	113/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	955	955	2026	62	62			893	893	893	893						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu								
8	Chỉnh trang đô thị vỉa hè (Bờ kè) nuyên Xóm Lung - Láng Tròn	8E+06	C	Phường Láng Tròn	3.300m	2024 - 2026	2468/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	9,000	9,000	3206/QĐ-UBND ngày 09/8/2024; 423/QĐ-SXD ngày 22/4/2026	6,371	6,371	2024	2,714	2,714			2,400	2,400	2,400	2,400						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Giá Rai								

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										Trong đó: vốn NSDP	Tổng số			Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước				Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
9	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư C1, C2 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Đồng Bắc, thành phố Cà Mau	8E+06	B	Phường Tân Thành	16,22ha	2017 - 2026		253,208	253,208	1571/QĐ-UBND ngày 18/9/2017; 1739/QĐ-UBND ngày 15/9/2020; 1219/QĐ-UBND ngày 20/6/2024; 01971/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	253,208	253,208	2024	166,320	166,320			18,000	18,000	3,049	3,049		14,951	14,951		14,951		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban QLDA xây dựng công trình giao thông		
10	Dự án sắp xếp dân cư Khóm 9, Thị trấn Trần Văn Thời	8E+06	C	Xã Trần Văn Thời	186 nền	2025 - 2027	7217/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 8064/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	39,987	39,987	8312/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	39,987	39,987	2025	4,780	4,780			35,207	35,207	20,324	20,324		14,883	14,883		14,883		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Trần Văn Thời		
11	Dự án đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp Trường tiểu học Nguyễn Thị Định tại Khu địa ốc, phường 1, thành phố Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	266 nền	2025 - 2026	42/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	46,218	46,218	87/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; 01914/QĐ-UBND ngày 29/11/2025	40,312	40,312	2025	1,633	1,633	36,498	36,498	38,679	38,679	27,451	27,451		11,228	11,228		11,228		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							1,089,302	1,089,302		1,089,033	1,089,033		0	0			1,088,125	1,088,125	7,299	7,299	135	62,000	62,000	0	62,000	0				
1	Dự án san lấp, nâng cao độ nền khu tái định cư ấp Bửu 2, xã Đồng Hải, tỉnh Cà Mau	8E+06	C	Xã Đồng Hải	58 nền	2025 - 2026	01653/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	7,263	7,263	1021/QĐ-SXD ngày 01/12/2025; 43/QĐ-SXD ngày 27/01/2026	7,110	7,110	2026					6,500	6,500	6,500	6,500							Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Đồng Hải		
2	Dự án san lấp 10 nền tái định cư tại khu dân cư giáp đường Bạch Đằng, phường Hiệp Thành	8E+06	C	Phường Hiệp Thành	SLMB cho 10 nền tái định cư	2025 - 2026	01911/QĐ-UBND ngày 29/11/2025	869	869	326/QĐ-DANN ngày 29/11/2025; 172/QĐ-SXD ngày 02/3/2026	753	753	2026					718	718	718	718	54						Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban QLDA công trình Nông nghiệp		
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 2) Khu tái định cư và Nhà ở xã hội phường An Xuyên		B					152,383	152,383		152,383	152,383						152,120	152,120	81	81	81	15,000	15,000		15,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
4	Dự án Khu tái định cư Hồ điều hòa, phường Bạc Liêu							129,852	129,852		129,852	129,852						129,852	129,852				10,000	10,000		10,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND phường Bạc Liêu	
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Cái Nước							108,000	108,000		108,000	108,000						108,000	108,000				5,000	5,000		5,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND xã Cái Nước	
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Đầm Dơi							130,000	130,000		130,000	130,000						130,000	130,000				5,000	5,000		5,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND xã Đầm Dơi	
7	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Xã Phan Ngọc Hiển							112,000	112,000		112,000	112,000						112,000	112,000				10,000	10,000		10,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND Xã Phan Ngọc Hiển	
8	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Xã Trần Văn Thời							234,245	234,245		234,245	234,245						234,245	234,245				5,000	5,000		5,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND Xã Trần Văn Thời	
9	Khu đất bãi bỏ số 1, phường Vĩnh Trạch							83,590	83,590		83,590	83,590						83,590	83,590				5,000	5,000		5,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND phường Vĩnh Trạch	
10	Khu tái định cư tại khu đất khóm Vĩnh An, phường Vĩnh Trạch							41,100	41,100		41,100	41,100						41,100	41,100				5,000	5,000		5,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND phường Vĩnh Trạch	
11	Khu tái định cư tại khu chòm má, phường Bạc Liêu							90,000	90,000		90,000	90,000						90,000	90,000				2,000	2,000		2,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND phường Bạc Liêu	
IX	CÔNG NGHIỆP							14,900	14,900		14,746	14,746		8,641	8,641			1,659	1,659	1,659	1,659	0	0	0	0	0	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							14,900	14,900		14,746	14,746		8,641	8,641			1,659	1,659	1,659	1,659	0	0	0	0	0	0				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027						Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú				
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xã sở kiến thiết
1	Dự án lắp đặt điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường trên địa bàn xã Hiệp Thành và xã Vĩnh Trạch Đông	8E+06	C	Phường Hiệp Thành	37,328m	2025 - 2026	43/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	14,900	14,900	93/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	14,746	14,746	2025	8,641	8,641			1,659	1,659	1,659	1,659							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu					
X	NÔNG NGHIỆP, LÀM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN							12,193,511	3,891,236		12,052,194	3,873,251		3,179,038	650,053	5,762,771	2,992,673	8,397,063	2,857,717	1,554,080	1,209,080	5,750	1,787,452	497,849	5,000	40,951	451,898							
(I)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							5,380,883	1,980,685		5,380,641	1,980,443		3,160,938	631,953	1,584,096	850,187	1,759,247	998,644	1,114,785	769,785	0	644,462	228,859	0	8,461	220,398							
1	Dự án xây dựng các ô đê bao ngăn mặn cấp bách kết hợp các công trình giao thông để bảo vệ và phát triển khu vực sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản huyện Vĩnh Lợi	8E+06	B	Các xã: Vĩnh Lợi, Hưng Hải	05 công và 04 trạm bơm	2019 - 2026	16/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	122,681	47,981	835/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 1545/QĐ-UBND ngày 15/8/2023; 02245/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	122,681	47,981	2021	103,418	28,718			5,290	5,290	5,290	5,290								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Vĩnh Lợi				
2	Dự án đầu tư kê bờ sông thành phố Bạc Liêu	7935394	B	Các phường: Bạc Liêu, Hiệp Thành	6km	2023 - 2026	539/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; 0756/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	1,044,771	284,771	2258/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; 0947/QĐ-UBND ngày 08/9/2025	1,044,771	284,771	2023	680,740	150,740	330,000		260,484	30,484	260,484	30,484								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
3	Dự án xử lý xói lở và gia cố lòng sông thị trấn Gành Hào (đoạn tiếp giáp Cảng cá Gành Hào), huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	8E+06	B	Xã Gành Hào	939,3m	2022 - 2026	393/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; 286/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	310,082	180,082	2209/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; 0678/QĐ-UBND ngày 20/8/2025; 01961/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	310,082	180,082	2023	202,708	72,708			68,082	68,082	68,082	68,082								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
4	Dự án đầu tư xây dựng Kê chống ngập dọc tuyến Quốc lộ 1A qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu	8E+06	B	Các xã: Vĩnh Mỹ, phường Lăng Tròn và phường Giá Rai	12,981m	2019 - 2026	08/NQ-HĐND ngày 06/3/2020; 44/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	831,000	106,077	2129/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 1557/QĐ-UBND ngày 08/10/2021; 1795/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 373/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	831,000	106,077	2020	724,923				80,000	80,000	80,000	80,000								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
5	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu - đoạn từ kênh Mương 1 đến kênh Huyện Kế	8E+06	B	Các xã Vĩnh Hải, Đông Hải, Long Điền	Xây dựng tuyến đê dài 20,64km	2019 - 2026	06/NQ-HĐND ngày 06/3/2020; 99/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	421,836	63,236	1412/QĐ-UBND ngày 26/8/2020; 1556/QĐ-UBND ngày 08/10/2021; 1391/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; 01962/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	421,836	63,236	2020	382,958	24,358			19,820	19,820	19,820	19,820								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
6	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển đông và hệ thống công qua đê	8E+06	B	Phường Hiệp Thành, xã Vĩnh Hải, xã Gành Hào	3km đê, 10 công, kê 674m	2017 - 2026	08/NQ-HĐND ngày 22/3/2018	351,000	69,966	1957/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 01963/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	350,947	69,913	2019	275,540	49,209			20,000	20,000	20,000	20,000								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027				Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú							
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
7	Dự án thành phần số 3: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Bạc Liêu (phần đối ứng của tỉnh) thuộc dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	8E+06	B	Các xã, phường: Giá Rai, Hòa Bình, Đông Hải, Gành Hào, Vĩnh Hải, Vĩnh Mỹ, Lăng Tròn, Ninh Quới, Hồng Dân, An Trạch, Châu Thới, Phong Thạnh, Phong Hiệp, Vĩnh Phước, Long Điền	296.106m	2023 - 2027	2053/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	127,900	101,968	1853/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	127,900	101,968	2023	87,258	87,258			5,800	5,800	5,800	5,800					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn								
8	Dự án nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, tháo chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu	8E+06	B	Các xã Châu Thới, Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Thanh, Phước Long, Ninh Quới, Vĩnh Hải, Đông Hải	Nạo vét 03 kênh, xây dựng 04 cầu	2021 - 2026	476/QĐ-UBND ngày 09/11/2021; 172/QĐ-UBND ngày 18/01/2026	159,757	59,757	1919/QĐ-UBND ngày 14/11/2022; 806/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	159,757	59,757	2023	102,000	2,000			44,223	44,223	44,223	44,223					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau								
9	Dự án đầu tư xây dựng Bô kê chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7E+06	B	Xã Năm Căn	789m	2017 - 2026	11/QĐ-HĐND ngày 25/5/2017; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021; 497/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	142,436	107,436	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2623/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; 1799/QĐ-UBND ngày 20/5/2026	142,436	107,436	2017	90,826	55,826			42,000	42,000	42,000	42,000					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau								
10	Dự án đầu tư xây dựng bô kê từ Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện		C	Xã Trần Văn Thới	771m	2024 - 2026	7767/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	25,162	25,162	7968/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	25,161	25,161	2025	6,700	6,700			18,461	18,461	10,000	10,000			8,461	8,461		8,461	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Trần Văn Thới						
11	Dự án cải tạo, nâng cấp kênh hồ phường 2, phường 5 thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 2 thuộc phường 5)	8E+06	C	Phường Vĩnh Trạch	775m	2025 - 2027	46/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	28,929	28,929	90/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	28,741	28,741	2025	1,119	1,119			27,622	27,622	21,741	21,741			5,881	5,881		5,881	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu						
12	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kết hợp kiến cổ hóa ô đê bao phục vụ sản xuất nông nghiệp thị xã Giá Rai	8E+06	C	Phường Lăng Tròn	17.759,62 m	2022 - 2026	412/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	60,914	60,914	2130/QĐ-UBND ngày 28/11/2024; 02227/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	60,914	60,914	2025	24,897	24,897			36,017	36,017	21,500	21,500			14,517	14,517		14,517	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Giá Rai						
13	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cầu Đới Vàm đến Kênh Năm và kê phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	8E+06	B	Các xã: Cái Đới Vàm, Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, Sông Đốc	19 km đê, 11 km kê	2024 - 2027	1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019; 23/NQ-HĐND ngày 10/10/2023	849,274	239,265	443/QĐ-UBND ngày 12/3/2024; 099/QĐ-UBND ngày 07/7/2025; 01775/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	849,274	239,265	2025	167,826	88,420	727,955	324,046	681,448	150,845	265,845	150,845			415,603	0			Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án Xây dựng Cà Mau						

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú					
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
14	Dự án đầu tư xây dựng kè Nhà Mát đoạn từ Cầu Nhà Mát đến Cổng Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	8E+06	B	Phường Hiệp Thành	5.950m	2023 - 2027	417/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 410/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	905,141	605,141	166/QĐ-UBND ngày 05/02/2024; 694/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	905,141	605,141	2024	310,025	40,000	526,141	526,141	450,000	450,000	250,000	250,000		200,000	200,000				200,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau					
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							6,812,628	1,910,551		6,671,553	1,892,808		18,100	18,100	4,178,675	2,142,486	6,637,816	1,859,073	439,295	439,295	5,750	1,142,990	268,990	5,000	32,490	231,500								
1	Dự án khắc phục sạt lở khu vực cửa biển Bó Đề, xã Tam Giang	8E+06	C	Xã Tam Giang	750m	2025 - 2027	01100/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	14,250	14,250	1923/QĐ-SNNMT ngày 26/12/2025	14,250	14,250	2026	500	500			13,200	13,200	13,200	13,200								Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau					
2	Dự án nâng cấp, sửa chữa đường nội bộ Vườn chim (đường vào Khu căn cứ Thị ủy) và xây dựng môi hàng rào bảo vệ Khu rừng đặc dụng Vườn chim Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Hiệp Thành và xã Vĩnh Hậu	Đường dài 713m (bao gồm 01 cầu), hàng rào dài 4.365m	2025 - 2026	02340/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	19,985	19,985	467/QĐ-SXD ngày 07/5/2026	19,985	19,985	2026					19,050	19,050	19,050	19,050	50							Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau					
3	Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Cà Mau	8E+06	B	Các xã: Cái Nước, Tân Thuận, Ta An Khương, Phan Ngọc Hiến, Phú Tân, Phú Mỹ		2026 - 2029	08/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	536,000	145,800	0519/QĐ-UBND ngày 04/8/2025	536,000	145,800	2026	11,000	11,000	525,000	134,800	525,000	134,800	10,000	10,000		170,000	58,000				58,000		Ban Quản lý dự án Xây dựng Cà Mau					
4	Dự án kè chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực thị trấn Gành Hào (từ Kênh 3 đến ngã ba Mũi Tàu)	8E+06	C	Xã Gành Hào	2.500m	2026 - 2028	285/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	114,903	114,903	01841/QĐ-UBND ngày 23/11/2025	97,210	97,210	2026	1,000	1,000	114,903	114,903	96,210	96,210	50,000	50,000		20,000	20,000			20,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						
5	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biển dôi khi hậu tình Bạc Liêu (từ Huyện Kế hương về Chùa Linh Ứng)	8E+06	C	Xã Long Điền	2.157m	2026 - 2028	284/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	95,969	95,969	01699/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	95,969	95,969	2026	1,000	1,000	95,969	95,969	94,969	94,969	45,000	45,000		20,000	20,000			20,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						
6	Dự án xói lở bờ biển thành phố Bạc Liêu (đoạn còn lại giữa bờ biển Vĩnh Trạch Đông và bờ biển Nhà Mát)	8E+06	B	Phường Hiệp Thành	4.685,4m	2026 - 2029	283/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	198,000	61,500	02190/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	185,127	61,500	2026	1,500	1,500	198,000	198,000	183,627	60,000	60,000	60,000		120,000	0				Theo nhu cầu thực hiện và để tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						
7	Dự án xây dựng 07 công ngăn mặn, chống triều cường bảo vệ sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	8E+06	B	Phường Lăng Tròn và các xã Vĩnh Mỹ, Hòa Bình, Hưng Hội	07 công	2026 - 2028	109/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	387,848	72,100	02141/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	277,389	72,100	2026	2,100	2,100	387,848	387,848	275,289	70,000	70,000	70,000		140,000	0				Theo nhu cầu thực hiện và để tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						
8	Dự án kè bờ sông thị trấn Gành Hào đoạn G6 (điểm đầu tại Rạch Cóc và điểm cuối tại ngã ba sông thị trấn Gành Hào)	8E+06	B	Xã Gành Hào	2.500m	2025 - 2029	282/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	480,000	141,000	02326/QĐ-UBND ngày 28/12/2025	480,000	141,000	2026	1,000	1,000	480,000	480,000	479,000	140,000	140,000	140,000		150,000	0				Theo nhu cầu thực hiện và để tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						
9	Dự án thả phao ranh giới các phân khu chức năng của Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau		C	Các xã: Đất Mũi, Đá Bạc và Sông Đốc	200 phao	2025 - 2027	01352/QĐ-UBND ngày 10/10/2025	18,000	18,000	2069/QĐ-SNNMT ngày 31/12/2025	18,000	18,000	2026					18,000	18,000	16,500	16,500		1,500	1,500			1,500	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường						

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú				
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XDDB tập trung trong nước	Chi từ nguồn tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
10	Dự án đầu tư xây dựng kết ven sông kết hợp chỉnh trang đô thị tuyến kênh Quán Lộ Phụng Hiệp (đoạn từ cầu Phan Ngọc Hiến đến cầu Cái Nhúc)	8E+06						1,490,569	564		1,490,569	564					1,490,569	564	564	564	564	232,000	0		Bổ sung danh mục theo nhu cầu của tỉnh để tranh thủ vốn NSTW hỗ trợ	Sở Nông nghiệp và Môi trường							
11	Dự án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long (MERIT) - tỉnh Cà Mau	8E+06	B	Các xã, phường: Lương Thế Trán, Tân Hưng, Cái Nước, Phong Thanh, Giá Rai, Láng Tròn, Vĩnh Mỹ, Hòa Bình, Châu Thới, Vĩnh Thanh, Phước Long, Ninh Quới, Hồng Dân, Vĩnh Lộc, Ninh Thạnh Lợi, Phước Long, Vĩnh Phước		2026 - 2029		2,736,580	705,780		2,736,580	705,780				2,376,955	730,966	2,730,428	699,630	815	815	815	100,000	80,000	80,000	Theo tỷ giá đồng USD tại thời điểm hiện tại	Sở Nông nghiệp và Môi trường						
12	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng 11km mạng đường ống tại xã Biển Bạch; đầu tư công trình xử lý nước và mở rộng 17km mạng đường ống tại xã Khánh Lâm, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau		C	Các xã: Biển Bạch, Khánh Lâm, Khánh An	28.000m	2026 - 2028	02296/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	17,661	17,661		17,661	17,661						17,661	17,661	1,400	1,400	1,400	5,000	5,000	5,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn						
13	Dự án xây dựng, sửa chữa các hạng mục cấp thiết tại các Cảng cá	8E+06	C	Các xã, phường: Gành Hào, Sông Đốc, Cái Đoi Vàm, Phan Ngọc Hiến, Lý Văn Lâm	Xây dựng, sửa chữa 05 cảng cá	2026 - 2028	02430/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	39,961	39,961		39,961	39,961						39,961	39,961	500	500	500	10,000	10,000	10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban QLDA công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						
14	Xây dựng bờ kè chống sạt lở tuyến đường vào chùa Hưng Thiện		C	Xã Hưng Hội	2.694m	2026 - 2028	433/QĐ-UBND ngày 02/4/2026	34,812	34,812	776/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	34,762	34,762	2026					26,762	26,762	8,000	8,000		10,000	10,000	10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Hưng Hội (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)						
15	Dự án đầu tư nạo vét tuyến kênh trục Hòa Bình (kênh Vĩnh Lộc)							59,997	59,997		59,997	59,997						59,997	59,997	48	48	48	10,000	10,000	10,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						
16	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào		B	Xã Gành Hào	15,0ha	2026 - 2029	440/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	201,435	1,611		201,435	1,611						201,435	1,611	1,611	1,611	1,611	100,000	0		Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau						

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước				Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
17	Dự án xây dựng cầu cạn, xây dựng đoạn lộ bê tông và kê chống sạt lở tuyến lộ sông Mang Rổ (đoạn từ cầu Kiến Vàng đến cầu Xẻo Vinh) xã Nguyễn Việt Khái		C	Xã Nguyễn Việt Khái	Cầu vượt 176 m, đường 269 m, gia cố 08 vị trí sụp, lún và sạt lở 591,5 m	2026 - 2028	453/QĐ-UBND ngày 10/02/2026		7,097	7,097		7,097	7,097					7,097	7,097	536	536	536	6,561	6,561		6,561		Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
18	Dự án sửa chữa, nâng cấp các vị trí sạt lở trên địa bàn phường Hòa Thành								18,591	18,591		18,591	18,591					18,591	18,591	28	28	28	5,000	5,000		5,000		Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
19	Dự án xử lý sạt lở tại cửa biển Hồ Gù (đoạn từ bờ kê biển đến Trại kiểm soát Biên phòng Hồ Gù), xã Tân Tiến								81,134	81,134		81,134	81,134					81,134	81,134	79	79	79	15,000	15,000			15,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
20	Dự án xử lý sạt lở khu vực Trường Tiểu học Tân Điền và Trường Trung học cơ sở Thanh Tùng, xã Thanh Tùng								76,200	76,200		76,200	76,200					76,200	76,200	76	76	76	5,929	5,929		5,929		Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
21	Dự án xử lý sạt lở khu vực Miếu bà Thủy Long, xã Thanh Tùng								30,000	30,000		30,000	30,000					30,000	30,000	43	43	43	5,000	5,000		5,000		Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
22	Kế hoạch Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững								10,000	10,000		10,000	10,000					10,000	10,000	1,845	1,845		2,000	2,000			2,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND tỉnh phân bổ chi tiết khi các dự án đủ điều kiện theo quy định			
23	Dự án cấp nước sinh hoạt cấp bách khu vực nông thôn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030		C	Các xã Biển Bạch, Đất Mới, Đất Mũi, Đất Bạc, Trần Văn Thới và Khánh An	6.000 hộ	2026 - 2028	728/QĐ-UBND ngày 18/3/2026		110,636	110,636		110,636	110,636					110,636	110,636				10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn			
24	Dự án thả rạn nhân tạo làm nơi trú ẩn, sinh trưởng cho các loài thủy sản trong khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau								33,000	33,000		33,000	33,000					33,000	33,000				5,000	5,000	5,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường			
XI	GAO THỐNG								54,387,743	40,134,675		52,106,528	37,830,171		6,181,994	2,896,875	23,574,002	6,376,586	44,411,507	24,574,040	1,476,687	1,023,889	52,893	5,560,126	1,906,126	184,718	220,401	1,501,007				
(I)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang								10,371,100	5,672,263		10,281,804	5,559,678		6,172,720	2,889,189	1,736,957	1,736,957	3,265,385	1,852,457	1,201,834	802,906	0	1,845,976	831,976	150,000	97,416	584,560				
1	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (Xẻo Lớn, Ông Do, Cái Trảng, Kênh Lỏ, Chết Còm, Lương Thục) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vinh, huyện Năm Căn	8E+06	C	Xã Năm Căn	01 cầu HL-93, 04 cầu 0,5xHL-93 và 01 cầu 0,4xHL-93	2024 - 2026	1990/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; 1016/QĐ-UBND ngày 23/5/2024		103,901	103,901	2044/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	103,901	103,901	2025	16,807	16,807	71,901	71,901	85,000	85,000	85,000	85,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Năm Căn		
2	Nâng cấp tuyến đường vô Khu căn cứ Tỉnh ủy (đoạn từ Xã Thoàn đến Kênh 6000 giáp huyện Hồng Dân)	8E+06	C	Xã Vĩnh Phước	6.210,3m	2025 - 2026	140a/QĐ-UBND ngày 05/6/2024		38,686	38,686	1855/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	38,685	38,685	2025	16,418	16,418			11,148	11,148	11,148	11,148						Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Phước Long			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027				Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú				
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Bao gồm	
																																Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu sử dụng đất
3	Nâng cấp, mở rộng đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Danh Thị Túai đến đường Vành đai 2)	8E+06	C	Phường Tân Thành	630m	2024 - 2026	3897/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	40,274	40,274	5333/QĐ-UBND ngày 30/9/2024; 01679/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	38,707	38,707	2025	7,205	7,205			19,000	19,000	19,000	19,000					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường An Xuyên						
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu Ông Tấn đến xóm làng An Trạch Đông, xã Vĩnh Trạch	8E+06	C	Phường Vĩnh Trạch		2025 - 2026	14/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	8,590	8,590	26/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	8,581	8,581	2025	3,851	3,851			3,720	3,720	3,720	3,720					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu						
5	Xây dựng mới cầu Nọc Nang 3 (nối liền bờ kè giữa Phường 1 và phường Hồ Phóng)	8E+06	C	Phường Giá Rai	230m	2024 - 2026	2647/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	14,962	14,962	3169/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	14,962	14,962	2024	10,716	10,716			1,800	1,800	1,800	1,800					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Giá Rai						
6	Xây dựng tuyến đường Quy hoạch D7 (đoạn vào Trường THPT Vĩnh Hưng), huyện Vĩnh Lợi	8E+06	C	Xã Châu Thới	384.85m	2020 - 2026	99/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	14,979	14,979	190/QĐ-UBND ngày 02/8/2022; 201/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; 1066/QĐ-SXD ngày 05/12/2025	14,862	14,862	2021	10,491	10,491			3,807	3,807	3,807	3,807					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Vĩnh Lợi						
7	Đư án nâng cấp, mở rộng đường vào chùa Hưng Thiện (DH.30B)	8E+06	C	Xã Hưng Hội	3.421,5m	2021 - 2026	299/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	36,372	36,372	95/QĐ-UBND ngày 18/4/2022; 02065/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	36,372	36,372	2022	28,117	28,117			3,417	3,417	3,417	3,417					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Vĩnh Lợi						
8	Đư án xây dựng tuyến đường ô đé bao Thanh Long	8E+06	C	Xã Vĩnh Lợi	7.116,29m	2021 - 2026	488/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	59,975	59,975	154/QĐ-UBND ngày 15/6/2022; 02060/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	59,127	59,127	2022	50,164	50,164			7,017	7,017	7,017	7,017					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Vĩnh Lợi						
9	Xây dựng tuyến đường từ cầu kênh 6000 đầu nối dự án tuyến đé cấp bách, xã Ninh Thạnh Lợi A	8E+06	C	Xã Ninh Thạnh Lợi	4.996,24m	2024 - 2026	1586/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	24,000	24,000	2086/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	24,000	24,000	2024	9,335	9,335			11,913	11,913	11,913	11,913					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân						
10	Tuyến từ ngã 4 ấp 19 - giáp xã Vĩnh Thanh	8E+06	C	Xã Vĩnh Mỹ	Đường dài 786,32m, cầu dài 35,114m	2025 - 2027	216/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	5,534	5,534	142/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	5,534	5,534	2025	5,050	5,050			254	254	254	254					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hòa Bình						
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Hòa Bình - Minh Diệu	8E+06	C	Xã Hòa Bình	4,3km	2025 - 2027	99a/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	14,886	14,886	153/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	14,886	14,886	2025	13,490	13,490			512	512	512	512					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hòa Bình						
12	Đư án nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Thống Nhất II kết nối vào cầu Xẻo Vét, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân	8E+06	C	Xã Hồng Dân	2.035m	2023 - 2026	291/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	19,360	19,360	3078/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 02339/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	19,360	19,360	2024	8,646	8,646			1,200	1,200	1,200	1,200					Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân						

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027				Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
13	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đồng - Tây và cầu sông Gành Hào	8E+06	B	Các xã: Sông Đốc, Hưng Mỹ, Tân Hưng, Trần Phán, Đầm Dơi, Tân Thuận và Gành Hào	18 km; 02 cầu lớn	2021 - 2026	2387/QĐ-UBND ngày 10/12/2020; 977/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	2.159,555	859,555	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2024; 2365/QĐ-UBND ngày 03/12/2024; 0125/QĐ-UBND ngày 10/7/2025; 01966/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	2.135,971	835,971	2021	1,884,000	584,000			24,000	24,000	24,000	24,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
14	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	8E+06	B	Các xã: Cái Nước, Phú Mỹ, Nguyễn Việt Khái, Cái Đôi Vàm	25,3km, 01 cầu	2021 - 2026	2003/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 2037/QĐ-UBND ngày 17/10/2024; 2296/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	735,562	268,555	2681/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 2039/QĐ-UBND ngày 17/10/2024; 01950/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	735,562	268,555	2022	504,766	40,196			15,000	15,000	15,000	15,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
15	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	8E+06	B	H. U Minh	18,3 km	2021 - 2026	2256/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	760,391	180,044	2682/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 01894/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	759,894	179,547	2022	699,168	118,821			10,000	10,000	10,000	10,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
16	Dự án đầu tư xây dựng cầu Cà Bè, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau	8E+06	C	Xã Tân Tiến	0,65HL-93	2023 - 2026	2424/QĐ-UBND ngày 23/9/2022; 01853/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	58,617	58,617	1102/QĐ-UBND ngày 23/6/2023; 01986/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	58,617	58,617	2025	21,000	21,000	28,967	28,967	28,000	28,000	28,000	28,000								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
17	Nâng cấp, mở rộng đường huyện DH.31 (Ô đê bao Hưng Thành, đoạn từ Ngã tư Gai Hời đến Ngã ba Vàm Lèo)	8E+06	C	Xã Hưng Hới	11.063,99m	2024 - 2026	224/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	40,331	40,331	297/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	40,092	40,092	2024	32,700	32,700			3,346	3,346	3,346	3,346							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Vĩnh Lợi				
18	Xây dựng tuyến đường trục ấp, liên ấp Xóm Biển - Ông Linh xã Viên An	8E+06	C	Xã Đất Mũi	8,1km	2023 - 2026	2901/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	33,000	27,000	1322/QĐ-UBND ngày 15/05/2024; 01863/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	32,992	26,992	2024	18,666	12,666			9,500	9,500	9,500	9,500							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Phan Ngọc Hiển				
19	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường Tạ Thi Hai, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Hiệp Thành	1.873m	2025 - 2026	47/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	19,487	19,487	85/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	19,487	19,487	2025	9,989	9,989			6,693	6,693	6,693	6,693							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu				
20	Sửa chữa, nâng cấp đường từ cầu Đầu Sầu đến đường đạ hiện hữu	8126165	C	Xã Hồng Dân	1.113,25m	2024 - 2026	1127/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	7,018	7,018	7474/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	7,018	7,018	2024	1,714	1,714			2,000	2,000	2,000	2,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân				
21	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tà Suối xã Lộc Ninh	8E+06	C	Xã Hồng Dân	4.130,31m và 02 cầu	2024 - 2026	171/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	22,481	22,481	6808/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	22,481	22,481	2025	7,643	7,643			9,000	9,000	9,000	9,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027						Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bảo gồm vốn chuẩn bị đầu tư										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Chi đầu tư XD CB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
22	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tà Hong xã Ninh Thanh Lợi (đoạn từ kênh Công Hòa đến ngã tư Cai Giăng)	8E+06	C	Xã Ninh Thanh Lợi	4.230m và 02 cầu	2024 - 2026	1143/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	28,973	28,973	1291/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	28,973	28,973	2025	1,501	1,501			17,000	17,000	17,000	17,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân		
23	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Lộc Ninh - Ninh Thanh Lợi (đoạn từ cầu 3/2 đến cầu Xã Sang)	8E+06	C	Các xã: Hồng Dân, Ninh Thanh Lợi	7.536,73m	2023 - 2026	1679/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 1444/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	51,191	51,191	7704/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	51,191	51,191	2025	573	573			20,000	20,000	20,000	20,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân		
24	Lát gạch vỉa hè khu thương mại, khu trung tâm hành chính và khu tái định cư	8E+06	C	Xã Hồng Dân	14.158,09 m2	2025 - 2027	1411/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	14,985	14,985	1292/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	14,985	14,985	2025	536	536			2,000	2,000	2,000	2,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân		
25	Dự án xây dựng tuyến đường từ Trèm Trèm đến Xẻo Quao, thị trấn Ngan Dừa	8064487	B	Xã Hồng Dân	9.227m	2023 - 2026	474/QĐ-UBND ngày 09/11/2021; 514/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	252,753	152,753	2416/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	252,753	152,753	2023	220,497	120,497	37,256	37,256	32,256	32,256	32,256	32,256							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân		
26	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	8E+06	C	Xã Quách Phẩm	06 cầu 0,65HL-93	2023 - 2026	1985/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	62,208	62,208	929/QĐ-UBND ngày 23/5/2023; 01988/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	62,208	62,208	2024	37,352	37,352	29,358	29,358	12,051	12,051	12,051	12,051							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Đầm Dơi		
27	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tà Ky (đoạn từ nhà ông Truyền đến giáp ranh huyện Phước Long)	8E+06	C	Xã Hồng Dân	5.450,2m, bao gồm 07 cầu	2023 - 2026	171/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; 982/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	36,217	36,217	3515/QĐ-UBND ngày 25/9/2023; 02230/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	36,217	36,217	2023	31,348	31,348			1,500	1,500	1,500	1,500							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân		
28	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới, huyện Hồng Dân	8E+06	C	Các xã: Hồng Dân, Ninh Quới	8,64km	2023 - 2026	172/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	37,291	37,291	3251/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 02229/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	37,291	37,291	2023	32,983	32,983			2,000	2,000	2,000	2,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Hồng Dân		
29	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (đoạn từ ngã tư Vòng Xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay)	8E+06	B	Xã Năm Căn	9 km	2021 - 2026	1817/QĐ-UBND ngày 25/9/2020; 561/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	130,731	130,731	2280/QĐ-UBND ngày 27/11/2020; 835/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; 1850/QĐ-UBND ngày 20/9/2024; 01985/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	130,731	130,731	2021	112,500	112,500			6,000	6,000	6,000	6,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
30	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường trục chính Đông - Tây đến chợ Chà Là, huyện Đầm Dơi (nay thuộc xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau)	8E+06	B	Xã Trần Phán	7,4 km; 06 cầu	2022 - 2026	2400/QĐ-UBND ngày 08/11/2021; 714/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	107,117	107,117	647/QĐ-UBND ngày 10/4/2023; 1054/QĐ-UBND ngày 02/6/2025; 01997/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	107,117	107,117	2023	82,000	82,000			10,000	10,000	10,000	10,000							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
31	Xây dựng tuyến đường đầu nối vào công chính Trụ sở hành chính xã Tân Hưng Tây	8E+06	C	Xã Nguyễn Việt Khái	170m	2023 - 2026	2335d/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	8,758	8,758	2551/QĐ-UBND ngày 06/10/2022; 3912/QĐ-UBND ngày 04/12/2024; 48/QĐ-SXD ngày 28/01/2026	8,758	8,758	2025	4,400	4,400			2,459	2,459	2,459	2,459							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Cái Đới Vàm		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027						Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư										Tổng số	Bao gồm									
																							Chỉ đầu tư XDDB tập trung trong nước		Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
32	Dự án xây dựng 06 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đất Mũi	8E+06	C	Xã Đất Mũi	Công trình giao thông, cấp IV	2025 - 2026	3097/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	8,089	8,089	3159/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	8,089	8,089	2024	7,163	7,163			536	192	536	192							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Phan Ngọc Hiền			
33	Dự án tuyến lộ bê tông Kênh Tân Lập nối dài (từ đoạn lộ bê tông hiện hữu đầu nối vào lộ cấp VI về Trung tâm xã Nguyễn Việt Khái)	8E+06	C	Xã Nguyễn Việt Khái	1.059m	2025 - 2026	3908/QĐ-UBND ngày 04/12/2024; 701/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	1,993	1,993	1073/QĐ-UBND ngày 28/4/2025; 572/QĐ-SXD ngày 09/6/2026	1,993	1,993	2025	1,364	1,364			493	493	493	493								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Cái Đoi Vàm		
34	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện tuyến đường bộ cao tốc Cà Mau - Đất Mũi	8E+06	A	Các xã: Hồ Thị Kỳ, Khánh An, Khánh Bình, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ, Cái Nước, Phú Mỹ, Nguyễn Việt Khái, Đất Mới, Đất Mũi.	713,09 ha	2025 - 2028	1137/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	2,028,000	1,014,000	096/QĐ-UBND ngày 07/7/2025	2,028,000	1,014,000	2025	948,811	948,811	371,990	371,990	1,079,189	65,189	65,189	65,189								Theo tiến độ giải ngân vốn năm 2025 và tiến độ NSTW hỗ trợ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh		
35	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (cầu Thầy Vinh, cầu Trầu Trắng, cầu C4) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	8E+06	C	Xã Tân Lộc	03 cầu 0,5xHL-93	2025 - 2027	1685/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; 923/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	24,466	24,466	2085/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	24,465	24,465	2025	5,000	5,000	14,465	14,465	19,465	19,465	16,000	16,000								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Thới Bình		
36	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 1 đến Vĩnh Hưng (ĐT.980B) - giai đoạn 1	8E+06	B	Các xã: Châu Thới, Vĩnh Lợi	14,974km	2025 - 2028	382/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	274,730	274,730	389/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	242,638	242,638	2025	30,000	30,000	244,730	244,730	212,638	212,638	72,000	72,000								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Vĩnh Lợi		
37	Dự án đầu tư xây dựng cầu kết nối Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau (cầu Nguyễn Đình Chiểu)	8E+06	B	Các phường: Lý Văn Lâm, Hòa Thành	HL-93	2024 - 2027	1897/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	499,587	499,587	2680/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	499,573	499,573	2025	7,014	7,014	439,573	439,573	492,559	492,559	175,622	175,622								Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban QLDA xây dựng công trình giao thông		
38	Dự án nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Bạc Liêu	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	1,7km	2022 - 2026	229/QĐ-UBND ngày 14/6/2022; 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	42,605	42,605	70/QĐ-UBND ngày 16/01/2024; 02004/QĐ-UBND ngày 06/12/2025	42,594	42,594	2024	18,522	18,522			24,072	24,072	18,938	18,938							5,134	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu		
39	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu Ông Tấn đến xóm làng An Trạch Đông, xã Vĩnh Trạch	8E+06	C	Phường Vĩnh Trạch		2025 - 2026	14/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	8,590	8,590	26/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	8,581	8,581	2025	3,851	3,851			4,730	4,730	779	779							3,951	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND phường Bạc Liêu		
40	Xây dựng tuyến đường từ Cầu Tư Cỏ đến Chùa Linh Ứng, huyện Đông Hải	8E+06	B	Xã Long Điền	5.442m	2021 - 2026	473/QĐ-UBND ngày 09/11/2021; 473/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	199,268	49,268	885/QĐ-UBND ngày 06/6/2022; 49/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	199,257	49,257	2023	165,000	15,000	34,268	34,268	34,257	34,257	20,000	20,000							14,257	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Long Điền		
41	Dự án xây dựng cầu Hòa Bình 2 + Tuyến đường nối đến đường Giồng Nhãn - Gò Cát	8E+06	B	Các Xã: Vĩnh Hậu, Hòa Bình	01 cầu + 10km	2021 - 2027	521/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 199/QĐ-UBND ngày 24/7/2024; 261/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	298,864	98,864	1517/QĐ-UBND ngày 23/8/2024; 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	298,864	98,864	2025	115,981	373			158,256	73,864	104,392	20,000							53,864	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027						Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XDDB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu sử dụng đất				Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
42	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai ngoài - thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	8E+06	B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trach, Phường Hiệp Thành	8,9km	2024 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	1,450,656	725,656	2269/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,440,405	715,405	2025	594,873	184,065	315,656	315,656	775,597	461,405	314,192			461,405	461,405			461,405	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
43	Dự án đường vành đai trong, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	8E+06	B	Phường Vĩnh Trach	1,7km	2025 - 2027	228/QĐ-UBND ngày 14/6/2022; 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	314,430	314,430	390/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	294,393	294,393	2025	145,600	145,600	148,793	148,793	90,000	90,000	50,000	50,000			40,000	40,000			40,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
44	Dự án xây dựng, nâng cấp tuyến đường Ninh Quới - Ngạn Dừa, huyện Hồng Dân	7733569	B	Xã Ninh Quới, Hồng Dân	10,9km	2019 - 2026	14/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; 13/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 2112/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	271,637	115,154	2010/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 814/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; 738/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	271,637	91,865	2020	245,915	89,717			12,000	12,000	2,100	2,100			9,900	9,900			9,900	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							44,016,643	34,462,412		41,824,724	32,270,493		9,274	7,686	21,837,045	4,639,629	41,146,122	22,721,583	274,853	220,983	52,893	3,714,150	1,074,150	34,718	122,985	916,447						
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Trí Lực, huyện Thới Bình	8E+06	C	Các xã: Biển Bạch, Trí Phái	13.980m và 05 cầu	2025 - 2027	1170/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	66,675	66,675	01696/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	66,635	66,635	2026	54	54	66,675	66,675	60,000	60,000	20,000	20,000			20,000	20,000			20,000	Theo nhu cầu thực hiện	UBND xã Trí Phái			
2	Dự án xây dựng tuyến đường kênh 5000 ấp Phước Trường - ấp Phước Hậu		C	Xã Vĩnh Phước	5.486,45m	2025 - 2026	1319/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã	11,054	11,054	1387/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Chủ tịch UBND xã	11,054	11,054	2026					11,054	11,054	9,000	9,000			2,054	2,054			2,054	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Vĩnh Phước			
3	Dự án đầu tư hạ tầng giao thông mở rộng tuyến đường ngang Trường THCS 1 Sông Đốc và đoạn đường đầu nối vào tuyến ven sông	8E+06		Ấp 7	Dài 370m, rộng 20m	2026 - 2028	979/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã	25,845	25,845	1177/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Chủ tịch UBND xã	25,845	25,845	2026					25,845	25,845	10,000	10,000			10,000	10,000			10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Sông Đốc			
4	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cầu Biện Nhì trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hòa, Khánh Tiến, huyện U Minh (cũ)	8E+06	C	Các xã: Khánh Lâm, U Minh	126m	2025 - 2027	1303/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	5,992	5,992	1304/QĐ-SXD ngày 30/12/2025	5,987	5,987	2026	247	247	5,992	5,992	5,740	5,740	5,000	5,000			740	740			740	Theo nhu cầu thực hiện	UBND xã U Minh			
5	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	8E+06	C	Các xã Đầm Dơi, Tân An Khương, Tân Thuận và Tân Tiến	13km và 10 cầu	2025 - 2027	691/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	95,500	95,500	276/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	95,495	95,495	2026	971	971	95,500	95,500	94,524	94,524	46,000	46,000			15,000	15,000			15,000	Theo nhu cầu thực hiện	UBND xã Đầm Dơi			
6	Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau	8E+06	A	Các xã: Tân Thuận, Tân Tiến, Tam Giang, Tân Ân, Phan Ngọc Hiền, Cái Dời Vàm, Phú Tân, Sông Đốc	85,4km	2027 - 2032		9,481,013	2,184,770		9,481,013	2,184,770				1,500	1,500	8,482,425	1,584,915	9,479,513	2,183,270	3,455	3,455	3,455	15,000	15,000			15,000	Theo tỷ giá đồng USD tại thời điểm hiện tại	Ban Quản lý dự án Xây dựng		
7	Dự án đầu tư xây dựng đường từ Hố Gù đến đường ven biển	8E+06	B	Xã Tân Tiến	3,57km	2026 - 2029	01522/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	238,628	238,628	2095/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	238,627	238,627	2026					238,628	238,628	12,500	12,500	2,500		34,000	34,000			34,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tư vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tư vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tư và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tư			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027						Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
8	Dự án xây dựng cầu kết nối Bệnh viện đa khoa tỉnh với Quốc lộ 1 (cầu 3 tháng 2)	8E+06	B	Phường Tân Thành và phường Hòa Thành	587,19m (bao gồm cầu và đường dẫn)	2026 - 2029	01518/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	321,210	321,210	2056/QĐ-UBND ngày 03/6/2026	321,207	321,207	2026					321,207	321,207	11,300	11,300	1,300	34,000	34,000			34,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau					
9	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quận lộ Phụng Hiệp - Vành đai 3 - ĐT.985B - Đường ven biển (cửa Sông Đốc)	8E+06	B	Phường Tân Thành, phường An Xuyên, xã Hồ Thị Kỳ, xã Khánh An, xã Khánh Bình, xã Trần Văn Thời, xã Khánh Hưng và xã Sông Đốc	50,01km và 20 cầu	2026 - 2029	01517/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	2,997,000	2,996,591		2,997,000	2,996,591		409		2,913,000	113,000	2,996,591		19,300			940,000					Theo nhu cầu thực hiện và đề tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau					
10	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh	8E+06	B	Phường An Xuyên và các xã: Hồ Thị Kỳ, Khánh An, Khánh Lâm, Nguyễn Phích	42,301km và 05 cầu	2026 - 2029	01514/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	1,867,989	1,867,730		1,867,989	1,867,730		259		1,867,989	193,289	1,867,730		12,000			650,000					Theo nhu cầu thực hiện và đề tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau					
11	Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63B (đoạn từ桂 Rai đến Phò Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trầm (ĐT.982B)	8E+06	B	Các xã, phường:桂 Rai, Phong Hiệp, Vĩnh Phước và Phong Thanh	22,2km	2026 - 2029	1331/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	2,211,962	2,211,962		2,211,962	2,211,962				1,859,550	59,550	2,211,962		15,670			580,000					Theo nhu cầu thực hiện và đề tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau					
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ cầu Hòa Bình 2 - Đê Biển	8E+06	B	Các xã Hòa Bình và Vĩnh Hậu	11,3km và 10 cầu	2026 - 2029	206/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	826,792	826,629		826,792	826,629		163		990,000	49,900	826,629		5,900			210,000					Theo nhu cầu thực hiện và đề tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau					
13	Dự án xây dựng cầu Bạc Liêu 5, phường Bạc Liêu	8E+06	B	Phường Bạc Liêu	3.000m	2026 - 2029	0241/QĐ-UBND ngày 22/7/2025	969,741	968,984		969,741	968,984		757		969,741	39,741	968,984		1,000			260,000					Theo nhu cầu thực hiện và đề tranh thủ nguồn vốn NSTW hỗ trợ	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau					
14	Dự án nâng cấp đường ĐT.978 (đoạn Quốc lộ 1 - Quận lộ Phụng Hiệp)	8E+06	B	Các xã Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Châu Thới, Vĩnh Thanh, Phước Long và Ninh Quới	27,64km	2026 - 2029	1565/QĐ-UBND ngày 04/5/2026	2,398,000	2,398,000		2,398,000	2,398,000						2,398,000	2,398,000	7,297	7,297	7,297	25,000	25,000		25,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau						
15	Dự án xây dựng cầu Ba Đình kết nối tỉnh Cà Mau và An Giang		B	Xã Vĩnh Lộc	1.104m	2026 - 2029	01663/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	470,060	470,060		470,060	470,060						426,640	426,640	2,040	2,040	2,040	27,453	27,453		27,453	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau						
16	Dự án đầu tư xây dựng cầu Vàm Xáng Cầu Ngay	8E+06	B	Xã Tam Giang và xã Năm Căn	1,744km	2026 - 2029	01891/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	275,014	275,014		275,014	275,014		104	104			274,910	274,910	1,520	1,520	1,520	25,000	25,000		25,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau						

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bảo gồm vốn chuẩn bị đầu tư										Tổng số	Bảo gồm							
																							Chỉ đầu tư XDCB tập trung trong nước		Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
17	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tri Phái - Thới Bình (đường ĐT.983)	8E+06	B	Xã Tri Phái và xã Thới Bình	7,10km	2026 - 2029	01904/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	354,612	354,612		354,612	354,612		118	118			354,494	354,494	2,470	2,470	2,470	30,000	30,000		30,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
18	Dự án đầu tư xây dựng đường Hai Thượng Lân Ông nối dài	8E+06	B	Phường Hòa Thành	5,645km	2026 - 2029	01892/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	453,257	453,257		453,257	453,257		139	139			423,118	423,118	2,390	2,390	2,390	30,000	30,000		30,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
19	Dự án đầu tư xây dựng đường vào trụ sở Khối Cảnh sát thuộc Công an tỉnh Cà Mau	8E+06	C	Phường Tân Thành	311,3m	2026 - 2027	02187/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	30,780	30,780	2124/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	30,637	30,637	2026					30,493	30,493	5,377	5,377	287	10,000	10,000		10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
20	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Đầm Dơi - Cái Nước (đường ĐT.986)	8E+06	B	Các xã: Cái Nước, Tân Hưng, Trần Phán, Đầm Dơi	Tuyến chính 21,94km, tuyến nhánh 0,8km, 09 cầu	2026 - 2029	25/QĐ-UBND ngày 07/01/2026	955,555	955,555		955,555	955,555		238	238			955,317	955,317	7,600	7,600	7,600	30,000	30,000		30,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
21	Dự án xây dựng cầu Vầm Xáng, huyện Đông Hải	8E+06	B	Xã Định Thành và xã Gành Hào		2025 - 2028	306/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	321,573	321,573		321,573	321,573		590	590	321,573	321,573	320,983	320,983	900	900	900	30,000	30,000		30,000	Theo nhu cầu thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
22	Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu	8E+06	A	Phường Hiệp Thành và các xã: Vĩnh Hậu, Long Điền, Đông Hải, Gành Hào	53,12km	2027 - 2023		3,766,173	1,509,773		3,766,173	1,509,773		1,865	1,865	3,750,051	1,594,945	3,764,308	1,507,908	4,200	4,200	4,200	125,000	125,000		125,000	Theo tỷ giá đồng USD tại thời điểm hiện tại	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
23	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên ấp Cái Keo - Long Phú - Minh Thín		C	Xã Định Thành	5.664m	2026 - 2027	478/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	17,599	17,599	510/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	16,950	16,950	2026					16,950	16,950	7,000	7,000		9,950	9,950		9,950	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Định Thành (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
24	Dự án xây dựng cầu Cây Sộp		C	Xã Định Thành	30m	2026 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	4,522	4,522	511/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	4,343	4,343	2026					4,343	4,343	4,000	4,000		343	343		343	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Định Thành (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
25	Dự án đường về nhà thờ anh hùng Lương Thế Trân	8E+06	C	Xã Lương Thế Trân	Dài 3,650m, rộng 3,5m	2026 - 2027	2653/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	15,743	15,743	2757/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	15,743	15,743	2026					15,743	15,743	7,000	7,000		8,743	8,743		8,743	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Lương Thế Trân (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
26	Dự án nâng cấp, mở rộng đường liên ấp Tân Hoà - Phan Thanh - Bảo Bèo - Trung Hưng	8E+06	C	Xã Lương Thế Trân	Dài 3,676m, rộng 4,5m	2026 - 2028	623/QĐ-UBND ngày 05/3/2026	37,720	37,720	726/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	37,720	37,720	2026					37,720	37,720	8,000	8,000		10,000	10,000		10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Lương Thế Trân (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
27	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Lễ Quyền, phường Lý Văn Lâm		C	Phường Lý Văn Lâm	3153,13m	2026 - 2027	791/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	15,983	15,983	961/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	14,249	14,249	2026					14,249	14,249	7,000	7,000		7,249	7,249		7,249	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách phường Lý Văn Lâm (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư										Tổng số	Bao gồm							
																							Chỉ đầu tư XDDB tập trung trong nước		Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
28	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Bà Cai (từ cầu Kênh Láng đến giáp ranh Giao Vàm)		C	Phường Lý Văn Lâm	2.721,8m	2026 - 2027	713/QĐ-UBND ngày 09/3/2026	16,566	16,566	962/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	15,490	15,490	2026				15,490	15,490	7,000	7,000		8,490	8,490			8,490	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách phường Lý Văn Lâm (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
29	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào Khu hành chính xã Đông Hải		C	Xã Đông Hải	810m	2026 - 2028	255/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	3,822	3,822	444/QĐ-UBND ngày 13/3/2026	3,715	3,715	2026				3,715	3,715	3,000	3,000		715	715			715	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Đông Hải (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
30	Đường GTNT bờ Nam kênh Hai Thả - bờ Bắc kênh Bua Đỏ		C	Xã Khánh Hưng	2.350m	2026 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	9,517	9,517	560/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	9,517	9,517	2026				9,517	9,517	5,000	5,000		4,517	4,517			4,517	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Khánh Hưng (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
31	Đường GTNT kênh Đường Ranh Nhỏ (Từ khu di tích Bắc 3 Phi đến cầu Thanh Niên)		C	Xã Khánh Hưng	3.473m	2026 - 2027	480/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	9,565	9,565	561/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	9,565	9,565	2026				9,565	9,565	5,000	5,000		4,565	4,565			4,565	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Khánh Hưng (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)		
32	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Khúc Tréo - Tân Lộc		B	Xã Phong Thạnh	9,6 km (bao gồm cả cầu và 02 nút giao thông)	2026 - 2029	221/QĐ-UBND ngày 21/01/2026	361,357	361,357		361,357	361,357					361,357	361,357	2,300	2,300	2,300	20,000	20,000			20,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
33	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 1		B	Các phường: Tân Thành, An Xuyên và Lý Văn Lâm	5,94km	2026 - 2029	659/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	2,360,400	2,360,400		2,360,400	2,360,400					1,839,500	1,839,500	7,288	7,288	7,288	50,000	50,000			50,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
34	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường nối tuyến tránh Quốc lộ 1 với đường Vành đai 2, phường Tân Thành (đoạn từ đường Vành đai 2 đến đường Hoàng Văn Thụ)		B	Phường Tân Thành	2,83km	2026 - 2029	661/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	414,295	414,295		414,295	414,295					348,478	348,478	1,720	1,720	1,720	50,000	50,000			50,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
35	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 1		B	Các phường: Tân Thành, An Xuyên và Lý Văn Lâm	5,94km	2026 - 2029	659/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	2,360,400	2,360,400		520,900	520,900					520,900	520,900				100,000	100,000			100,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh		
36	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án đầu tư đường nối tuyến tránh Quốc lộ 1 với đường Vành đai 2, phường Tân Thành (đoạn từ đường Vành đai 2 đến đường Hoàng Văn Thụ)		B	Phường Tân Thành	2,83km	2026 - 2029	661/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	414,295	414,295		65,818	65,818					65,818	65,818				62,985	62,985			62,985	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh		
37	Dự án đầu tư đường Kênh 11 và đoạn kết nối đường Hành lang ven biển phía Nam đến Quốc lộ 63							2,664,000	2,664,000		2,664,000	2,664,000					2,664,000	2,664,000	141	141	141	20,000	20,000			20,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh			
38	Đường Láng Trám - Thới Bình							2,606,000	2,606,000		2,606,000	2,606,000					2,606,000	2,606,000				20,000	20,000			20,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh			
39	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến Trung tâm Y tế xã Nguyễn Phích (trung tâm xã Khánh Thuận (cũ))		C	Xã Nguyễn Phích	4,741km	2025 - 2027	692/QĐ-UBND ngày 14/4/2025; 722/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	39,001	39,001		39,001	39,001				19,299	19,299	39,001	39,001	1,263	1,263	1,263	15,000	15,000			15,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Nguyễn Phích	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú					
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Bảo gồm vốn chuẩn bị đầu tư	Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
40	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Phan Ngọc Hiến (đoạn từ cầu Năm Căn đến cầu Ông Đồi ngoài)		C	Xã Phan Ngọc Hiến và xã Đất Mũi	14,2km	2025 - 2027	456/QĐ-UBND ngày 13/3/2025; 723/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	149,081	149,081		149,081	149,081				76,800	76,800	149,000	149,000	1,633	1,633	1,633	20,000	20,000		20,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Phan Ngọc Hiến							
41	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ kênh Tân Phong (cầu Hồ Thị Ngọn) đến tuyến Hộ Phòng - Chu Chỉ.		B	Các xã Tân Lộc, Phong Hiệp	5,7km	2027 - 2030	2032/QĐ-UBND ngày 02/6/2026	156,814	156,814		156,814	156,814						156,814	156,814	74	74	74	15,000	15,000		15,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau							
42	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm phường Hòa Thành (đoạn từ đường gom cầu Hòa Thành tuyến tránh Quốc lộ 1 đến Trụ sở khóm 4, phường Hòa Thành)		C	Phường Hòa Thành	11,8km	2025 - 2027	674/QĐ-UBND ngày 10/4/2025; 779/QĐ-UBND ngày 23/3/2026	145,061	145,061		145,061	145,061		65	65	86,738	86,738	144,996	144,996	1,393	1,393	1,393	15,000	15,000		15,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND phường Hòa Thành							
43	Dự án nâng cấp tuyến đường Hứa Hòa Hưng, phường Hiệp Thành (đường vào Khu rừng đặc dụng Vườn chim Bạc Liêu)		C	Phường Hiệp Thành		2026 - 2027	637/QĐ-UBND ngày 07/3/2026	19,981	19,981		19,981	19,981						19,981	19,981	569	569	569	10,000	10,000		10,000	Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND phường Hiệp Thành							
44	Dự án đầu tư xây dựng cầu Chà Lả, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi	8E+06	C	Xã Trần Phán	0,5xHL-93	2025 - 2027	669/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	14,734	14,734		14,734	14,734				14,734	14,734	14,181	14,181	553	553	553	13,628	13,628		13,628	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Trần Phán							
45	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mũi (đoạn từ cầu Ông Đồi ngoài đến đường Hồ Chí Minh)		C	Xã Đất Mũi	14,9km	2025 - 2027	463/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 1154/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	149,833	149,833		149,833	149,833				72,500	72,500	148,000	148,000				15,000	15,000		15,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Đất Mũi							
46	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Rach Chèo, huyện Phú Tân		C	Xã Rach Chèo	9,58km	2025 - 2027	1171/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	58,747	58,747		58,747	58,747				37,943	37,943	58,747	58,747				10,000	10,000		10,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Nguyễn Khái							
47	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời		C	Xã Trần Văn Thời	8,9km	2025 - 2027	693/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	73,441	73,441		73,441	73,441		500	500	45,238	45,238	72,941	72,941				10,000	10,000		10,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Trần Văn Thời							
48	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời		C	Xã Khánh Hưng	8,6km	2025 - 2027	694/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	66,105	66,105		66,105	66,105		450	450	48,130	48,130	65,655	65,655				10,000	10,000		10,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Khánh Hưng							
49	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang, Tam Giang Đông, huyện Năm Căn		C	Xã Tam Giang	14,8km	2025 - 2027	461/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	96,091	96,091		96,091	96,091		453	453	64,396	64,396	95,638	95,638				15,000	15,000		15,000	Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Tam Giang							
50	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mới		C	Xã Đất Mới	11,8km	2026 - 2028	460/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 825/QĐ-UBND ngày 26/3/2026	82,627	82,627		82,627	82,627		392	392	48,771	48,771	82,235	82,235				15,000	15,000	15,000			Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	UBND xã Đất Mới						
51	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện xây dựng tuyến kết nối trung tâm hành chính của hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu trước đây							3,489,200	3,489,200		3,489,200	3,489,200						3,489,200	3,489,200				50,000	50,000		50,000	Theo Thông báo số 8/TB-VPCP ngày 06/01/2026 của VPCP về Kết luận của TTCP Phạm Minh Chính tại buổi họp về tình hình triển khai một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang và Cà Mau								

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri					Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú																														
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP																								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP																											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP
52	Dự án cầu qua kênh Trường Sơn		C	Phường Hiệp Thành	Cầu dài 22,7m, đường dẫn dài 119,48m	2026 - 2028	2085/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	12,517	12,517		12,517	12,517					12,517	12,517							12,517	12,517	12,517				Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau																														
53	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường, đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến khu đất xây dựng bãi rác tạm (giai đoạn 1)							7,201	7,201		7,201	7,201					7,201	7,201							7,201	7,201	7,201				Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh																															
XII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							1,999,596	1,999,596			1,999,122	1,999,122			307,931	307,931			1,639,932	1,639,932	48,281	48,281	5,781	57,276	57,276	57,276	0	0																																	
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							394,690	394,690			394,690	394,690			307,931	307,931			35,500	35,500	35,500	35,500	0	0	0	0	0	0																																	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Cà Mau	8E+06	B	P. Tân Thành	Công trình dân dụng	2021 - 2026	1160/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	362,690	362,690	1540/QĐ-UBND ngày 15/6/2022; 2322/QĐ-UBND ngày 28/11/2024; 01979/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	362,690	362,690	2022	286,991	286,991			31,500	31,500	31,500	31,500									Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Ban Quản lý dự án Xây dựng																															
2	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình thuộc Khu làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	8E+06	C	Xã Năm Căn	Công trình dân dụng	2024 - 2026	1246/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; 2301/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	32,000	32,000	2034/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2375/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	32,000	32,000	2024	20,940	20,940			4,000	4,000	4,000	4,000									Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	UBND xã Năm Căn																															
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							1,604,906	1,604,906			1,604,432	1,604,432	0	0			1,604,432	1,604,432	12,781	12,781	5,781		57,276	57,276	57,276	0	0																																		
1	Dự án Mở rộng trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau							34,786	34,786			34,786	34,786					34,786	34,786	381	381	381		10,000	10,000	10,000				Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau																															
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	8E+06	C	Phường Bạc Liêu	Cải tạo, sửa chữa	2026 - 2027	02186/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	6,027	6,027			6,027	6,027					6,027	6,027	263	263	263		5,764	5,764	5,764				Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau																															
3	Dự án nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất tại trung tâm chính trị - hành chính mới xã Đông Hải		C	Xã Đông Hải	Nâng cấp, sửa chữa	2026 - 2028	256/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	13,390	13,390	433/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	12,916	12,916	2026					12,916	12,916	7,000	7,000			5,916	5,916	5,916				Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Hỗ trợ ngân sách xã Đông Hải (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)																															
4	Dự án đầu tư xây dựng Nhà Thiếu nhi tỉnh Cà Mau							307,979	307,979			307,979	307,979					307,979	307,979	2,257	2,257	2,257		15,000	15,000	15,000				Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau																															
5	Dự án đầu tư xây dựng Nhà khách tỉnh Cà Mau							452,063	452,063			452,063	452,063					452,063	452,063	2,555	2,555	2,555		15,000	15,000	15,000				Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau																															
6	Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ tỉnh Cà Mau							26,661	26,661			26,661	26,661					26,661	26,661	325	325	325		5,596	5,596	5,596				Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau																															
7	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới trụ sở hành chính cấp tỉnh và cấp xã							764,000	764,000			764,000	764,000					764,000	764,000											Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	UBND các xã, phường																															
XIII	QUỐC PHÒNG, AN NINH							4,229,848	2,722,848			4,252,755	2,745,755			90,242	90,242	3,603	3,603	2,655,507	2,655,507	252,459	252,459	10,336	456,173	456,173	150,000	186,173	120,000																																	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú						
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP
(I)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							265,863	265,863		288,711	288,711		90,242	90,242	3,603	3,603	198,463	198,463	12,290	12,290	0	186,173	186,173	0	186,173	0									
1	Dự án xây dựng khu vực luyện tập chuyển trang thái sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Bạc Liêu	7E+06	B	Xã Hòa Bình	14.100m2	2023 - 2027	282/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	262,260	262,260	570/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	285,173	285,173	2023	89,000	89,000			196,173	196,173	10,000	10,000		186,173	186,173		186,173		Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh							
2	Dự án đầu tư xây dựng tượng bia Tiểu đoàn U Minh 2	7E+06	C	Xã Lương Thế Trân	743 m2	2025 - 2027	1304/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	3,603	3,603	867/QĐ-SXD ngày 24/10/2025	3,538	3,538	2025	1,242	1,242	3,603	3,603	2,290	2,290	2,290	2,290							Theo nhu cầu thực hiện và tiến độ giải ngân vốn năm 2025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh							
(I)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							3,963,985	2,456,985		3,964,044	2,457,044		0	0	0	0	2,457,044	2,457,044	240,169	240,169	10,336	270,000	270,000	150,000	0	120,000									
1	Dự án đầu tư xây dựng Hải đội dân quân thường trực tỉnh Cà Mau		B			2026 - 2028	143/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	483,934	483,934	319/QĐ-UBND ngày 20/4/2026	483,993	483,993	2026					483,993	483,993	239,685	239,685	9,852	100,000	100,000		100,000		Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh							
2	Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2026 - 2030	7E+06	B	Các xã: Thới Bình, Cái Nước, U Minh, Sông Đốc, Năm Căn, Trần Văn Thới, Khánh Lâm		2026 - 2029	250/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	166,481	166,481		166,481	166,481						166,481	166,481	484	484	484	20,000	20,000		20,000		Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh							
3	Dự án xây dựng cơ sở làm việc Công an tỉnh							1,972,000	465,000		1,972,000	465,000						465,000	465,000				50,000	50,000	50,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Công an tỉnh							
4	Dự án xây dựng 24 trụ sở làm việc Công an cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau							1,200,000	1,200,000		1,200,000	1,200,000						1,200,000	1,200,000				50,000	50,000	50,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Công an tỉnh							
5	Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp phân trại tạm giam và kho vật chứng Giá Rai, Hòa Bình, Phước Long thuộc Công an tỉnh Cà Mau							141,570	141,570		141,570	141,570						141,570	141,570				50,000	50,000	50,000			Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Công an tỉnh							
XIV	XÃ HỘI							316,455	316,455		316,455	316,455		0	0			316,455	316,455	72	72	72	20,000	20,000	0	0	20,000									
(I)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							316,455	316,455		316,455	316,455		0	0			316,455	316,455	72	72	72	20,000	20,000	0	0	20,000									
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất tại Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh							41,455	41,455		41,455	41,455						41,455	41,455	72	72	72	10,000	10,000		10,000		Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh								
2	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đồng bộ cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau							275,000	275,000		275,000	275,000						275,000	275,000				10,000	10,000		10,000		Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh								
XV	QUY HOẠCH							27,408	27,408		27,408	27,408		0	0			26,000	26,000	26,000	26,000	0	0	0	0	0	0									
(I)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							27,408	27,408		27,408	27,408		0	0			26,000	26,000	26,000	26,000	0	0	0	0	0	0									
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050			Tỉnh Cà Mau		2025 - 2026		27,408	27,408	02137/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	27,408	27,408	2026					26,000	26,000	26,000	26,000							Theo tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư	Sở Tài chính							
XVI	CÁC NHIỆM VỤ KHÁC							24,624,411	17,352,134		24,624,411	17,352,134		0	0	0	0	24,624,411	17,352,134	2,253,830	2,134,441	0	4,853,854	3,333,854	930,448	44,413	2,358,993									
1	Thanh toán khối lượng tồn đọng sau quyết toán							50,000	50,000		50,000	50,000						50,000	50,000	15,001	15,001		10,000	10,000		10,000		Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn theo quy định							

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của HĐND tỉnh		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí			Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027					Nguyên nhân điều chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư		Số quyết định	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					
																															Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước	Chi từ nguồn thu từ sử dụng đất
2	Phân thưởng bằng hình thức hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình không quá 10 tỷ/xã cho các xã hoàn thành đúng kế hoạch bàn giao mặt bằng thực hiện tuyến đường bộ cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, đường giao thông ra đảo Hòn Khoai và cảng Hòn Khoai trước ngày 15/12/2025 theo Kế hoạch số 0200/KH-UBND ngày 22/11/2025 của UBND tỉnh							70,000	70,000		70,000	70,000				70,000	70,000	70,000	70,000							Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh						
3	Ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh							1,811,000	1,811,000		1,811,000	1,811,000					1,811,000	1,811,000	356,000	356,000			414,000	414,000				414,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh		
4	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường							20,000	20,000		20,000	20,000					20,000	20,000	10,000	10,000			10,000	10,000				10,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Quỹ Bảo vệ môi trường		
5	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh							42,977	42,977		42,977	42,977					42,977	42,977	15,000	15,000			15,000	15,000				15,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh	Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh		
6	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030							3,668,058	611,343		3,668,058	611,343					3,668,058	611,343	143,267	23,878			240,000	40,000				40,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh		Đổi ứng 20% vốn NSTW hỗ trợ	
7	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030							3,035,110	1,420,690		3,035,110	1,420,690					3,035,110	1,420,690					1,880,000	880,000				880,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh		Đổi ứng 88% vốn NSTW hỗ trợ	
8	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030							1,000,000	400,000		1,000,000	400,000					1,000,000	400,000					200,000	80,000				80,000	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh		Chưa xác định tỷ lệ đổi ứng nên tạm chia tỷ lệ 60% vốn NSTW và 40% vốn NSDP	
9	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030							2,001,142			2,001,142						2,001,142						200,000							Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh		Bao gồm các trạm y tế xã, phường (chưa xác định tỷ lệ đổi ứng nên đang đăng ký toàn bộ từ NSTW)
10	Bố trí cho các dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai (tương đương 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011; Chi thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 và Chi thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ)							575,000	575,000		575,000	575,000					575,000	575,000	44,413	44,413			44,413	44,413				44,413	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh			
11	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (gồm cả đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh)							4,549,965	4,549,965		4,549,965	4,549,965					4,549,965	4,549,965	669,701	669,701			909,993	909,993				909,993	Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh			
12	Phân cấp xã quản lý							7,801,159	7,801,159		7,801,159	7,801,159					7,801,159	7,801,159	930,448	930,448			930,448	930,448	930,448					Theo dự kiến nhu cầu mới của tỉnh		

